



Suy Niệm Trên Cát

Nguyên tác: Meditazioni Sulla Sabbia

Tác giả: Alessandro Pronzato

Chuyển ngữ: Vũ Văn An

LỜI GIỚI THIỆU

Đi hành hương thăm mộ Charles de Foucauld tại sa mạc Sahara trở về, tác giả trình bày trong sách này một loạt những bài suy niệm dựa trên chính các kinh nghiệm, những khám phá và những suy tư trong sa mạc của ông. Chủ đề được lặp đi lặp lại là bản chất nghịch lý của cầu nguyện, đã được minh họa suốt trong sách này bằng những cái nghịch lý của chính sa mạc.

Đối với những ai được nghe lời mời vào sa mạc, nhưng bị bắt buộc phải chấp nhận sống trong cái tàn bạo của thành phố, tác giả đề nghị điểm nghịch lý cuối cùng này là: mời họ vượt lên trên chiều kích địa dư của sa mạc để tự tạo cho mình một sa mạc ngay trong thành phố. Cái sa mạc nội tâm của cô tịch, của thính lặng và cầu nguyện này được coi như cái khung qui chiếu chính yếu cho cuộc sống hỗn độn của ta, một cuộc sống luôn bị cảnh mất gốc đe dọa, bị giằng kéo giữa đời, bị những hoạt động vô ích làm ra khô cạn. Lúc ấy Chúa mới có thể dạo chơi trong các đô thị của ta, và hài lòng tìm thấy những cảnh an bình, và yên tĩnh giữa cái huyền não nhức óc, và cái vội vã khủng khiếp của cuộc sống hàng ngày. Và lúc ấy sa mạc tại thành phố của ta sẽ trở thành nơi hò hẹn tại đó ta sẽ thấy Chúa diện đối diện.

LỜI MỞ ĐẦU (của Tác Giả)

Những trang sau đây phát xuất từ sa mạc, tuy không được viết tại sa mạc. Khi từ Sahara trở về, tôi đã không mang theo mình một ghi chép nào hết. Tôi nhất định từ khước viết về các kinh nghiệm của mình vì tôi thấy sa mạc đã trở thành thời thượng thái quá.

Cuộc hành trình bất thường trong sa mạc của tôi đã chỉ được ghi nhớ trong những trang nhật ký bí mật của các kinh nghiệm bản thân. Tuy nhiên, tôi đã phải nhượng bộ những người đã cùng tôi đi vào sa mạc; tôi thường mò trở lại những ngăn tủ trí nhớ để cùng họ sống lại một lần nữa một vài giai đoạn của cuộc phiêu lưu mạo hiểm chung. Rồi, ba năm sau khi xảy ra, các kinh nghiệm sa mạc của tôi bỗng nhiên bắt đầu tự bộc bạch thành những suy tư, những thông sáng (insights) và những hình ảnh.

Tự chung, tôi thấy tôi cần phải truyền lại những gì mình đã khám phá ra tại sa mạc. Những khám phá này hiển nhiên nay đã được gạn lọc, và bớt sắc bén khi tiếp xúc với cái thực tế khá phũ phàng của thời gian ba năm qua.

Một yếu tố quyết định khác là việc tôi tham gia vào một trung tâm linh đạo nơi tôi có cơ hội gặp gỡ nhiều người trước đây từng được kêu mời đi vào sa mạc nhưng rồi cuối cùng buộc phải sống dưới sức lôi cuốn tàn bạo của phố thị. Tôi coi cái lưỡng nan của họ như dịp để thử nghiệm lại xem cái kinh nghiệm riêng của mình có chân thực hay không. Liệu khi bừng rỗi từ những đụn cát để đem trồng cách xa Sahara cả hàng ngàn dặm tại các thị thành ồn ào điếc tai của ta và trong cảnh nhộn nhịp điên cuồng của cuộc sống hàng ngày này cái kinh nghiệm kia có thể sống sót được chăng?

Do đó, cần phải vượt qua chiều kích địa dư của sa mạc và coi nó như cái khung qui chiếu chủ yếu đối với cuộc sống hỗn độn của ta, một cuộc sống luôn luôn bị đe dọa mất gốc, luôn luôn chằng chịt trong đời, và khô héo vì những hành động vô bổ.

Sa mạc là một thầy dạy tốt. Nó là nơi ta không chết vì khát. Trái lại, nó là nơi ta tìm lại được gốc rễ sự hiện hữu của mình. Khi nắm được bài học này, ta sẽ hiểu ra rằng sa mạc vật lý không nhất thiết hướng dẫn cuộc sống của vị ẩn tu. Cho nên chẳng cần phải đi tìm một sa mạc trên quả địa cầu. Bạn có

thể tìm thấy sa mạc của bạn tại một góc nhà, trên một xa lộ, tại một quảng trường, nơi một con phố đông người. Nhưng đầu tiên bạn phải từ bỏ ách nô lệ của ảo vọng, từ khước sách nhiễu của khoái lạc, chống lại sự hào nhoáng của bề mặt, rẫy bỏ sự thống trị của não động, từ bỏ ách độc tài của giả hình. Lúc ấy, sa mạc sẽ trở thành nơi bạn không tới để thấy cát bay trong gió nhưng thấy Chúa Thánh Thần chờ đợi biến bạn thành nơi cư ngụ của Ngài.

Hiển nhiên, tôi thường nói đến sa mạc trong những trang kế tiếp. Tuy nhiên, điều quan trọng phải nhớ là có nhiều loại sa mạc khác nhau cũng như nhiều khuôn mặt khác nhau trong cùng một sa mạc.

Sa mạc là một nơi khô cằn, nóng bỏng và đáng sợ nơi đó vật gì cũng mang dáng dấp tử thần. Nhưng đồng thời nó cũng là nơi nghỉ ngơi, dịu dàng và đầy sự sống.

Trong sa mạc, bạn thấy cả tình thân lẫn hận thù, âu lo lẫn niềm vui, sầu buồn lẫn hân hoan, thử thách lẫn chiến thắng.

Sa mạc là miền đất của chúc dữ nhưng cũng là miền đất của chúc lành.

Sa mạc có thể cứng cỏi và không thương xót. Bạn có thể chết khát ở đó, nhưng khi mưa, bạn có thể chết chìm tại đó.

Trong sa mạc, thiên nhiên bộc lộ hết các thái cực của nó: phi nhiêu phong phú, mà cũng cỗi cằn tàn bạo.

Đợi cả hàng năm vẫn không có lấy một giọt mưa. Nhưng rồi không trông không kèn, mưa đổ xuống như thác; và với một vận tốc khủng khiếp, các suối cạn đầy ắp, tràn bờ, cuốn mọi sự đi theo.

Bạn có thể tình cờ thấy một ốc đảo có sự sống và cây cối xanh um. Nhưng xa hơn một chút, bạn có thể rơi vào một hoang địa nơi bạn sợ đến có thể phát điên.

Sa mạc có thể là mồ chôn và nôisống, đất hoang và vườn cây, chết chóc và phục sinh, địa ngục và thiên đường.

Điều ấy giải thích tại sao trong ngôn ngữ Ả Rập, có đến 400 từ có nghĩa trái hẳn nhau hoặc nghĩa nước đôi. Thí dụ cùng một chữ mà có nghĩa gần và xa, che đậy và mở ra.

Cứ như thế, nơi sa mạc, bạn sẽ thấy Chúa cùng một lúc vừa hiện diện vừa vắng mặt, vừa rất gần vừa rất xa, vừa hữu hình vừa vô hình, vừa tỏ hiện vừa dấu ẩn. Ngài có thể tiếp đón bạn cách âu yếm nhưng rồi lại bỏ rơi bạn một mình với cây thập tự đơn côi. Ngài vừa an ủi vừa hắt hủi bạn cùng một lúc. Ngài chữa lành bạn để rồi lại gây thương tích cho bạn. Nay Ngài có thể truyện trò với bạn nhưng ngày mai Ngài đã quên bạn mất rồi.

Về sa mạc, ta có thể nói điều Nicholas thành Flue nói về việc cầu nguyện: “Chúa có thể làm cho lời cầu nguyện dịu ngọt đến độ con người tìm về nó như đi dự hội; và Ngài cũng có thể làm nó khó nhai đến độ con người tìm đến nó như đi dự trận.”

Sa mạc là chiến tranh và hòa bình. Với cái bản chất hai mặt của sa mạc ấy, bất cứ kinh nghiệm tại sa mạc nào, nếu được theo đuổi một cách trung thành cho đến tận cùng, cũng phải được xem xét một cách nghiêm chỉnh.

Tôi chưa bao giờ có cái nhìn lãng mạn về sa mạc. Cho nên ở trường hợp tôi, đó không phải là cuộc trốn chạy khỏi thực tế hay cuộc rút lui vào trong cái tôi của mình. Trái lại, sa mạc được chứng nghiệm là trường dạy khám phá, trách nhiệm và chia sẻ.

Nhìn lại các kinh nghiệm sa mạc của mình, tôi nhận ra có nhiều điều đã không được nói đến trong sách này. Tôi không muốn cuốn sách quá cồng kềnh. Có một vài điều tôi muốn đặc biệt nói đến về cái sa mạc ấy, đó là những điều, khi từ Sahara trở về, tôi muốn dừng lại trong thành phố này. Hy vọng tôi sẽ làm được điều này trong một loạt những suy niệm trong tương lai. Và trong cuộc hành trình xuyên qua sa mạc phố thị này tôi hy vọng sẽ có được nhiều bạn bè ngoài ba người đã cùng tôi đi vào Sahara dạo nào. Họ có thể tin chắc rằng họ sẽ không bị thất vọng. Vì sa mạc không đánh lừa. Nhất là đối với những ai chấp nhận nó với cái thực tế hai mặt sống và chết, hiện diện và khuyết diện của nó. Họ cũng sẽ không bị Chúa đánh lừa, Đấng đã gọi họ vào sa mạc. Chúa không bao giờ bỏ rơi ta.

Sa mạc là bậc cửa dẫn ta tới địa điểm gặp gỡ giữa Chúa và con người. Nó là hiện trường của xuất hành. Bạn không định cư ở đó, bạn đi băng qua nó. Như thế, người ta mạo hiểm bước theo những nẻo đường này vì họ được Chúa Thánh Thần thôi thúc tiến về Đất Hứa. Nhưng mảnh đất ấy chỉ được hứa cho những ai có khả năng nhai cát trong 40 năm trường mà không bao giờ nghỉ ngơi về lời mời dự tiệc ở cuối cuộc hành trình.

Pineta di Sortenna
26 Tháng Giêng Năm 1981

MÃNH LỰC CỦA CHÚA THÁNH THẦN

Trong sách vở báo chí, có lần tôi đọc được kiểu nói lạ lùng sau đây: ‘Chúa Thánh Thần bay lượn’.

Tôi phải nói ngay tôi không có cái may mắn được chứng kiến sự bay lượn đó trong sa mạc. Ngay từ 2000 năm trước đây, Chúa Thánh Thần vẫn có thói quen xuất hiện một cách bất ngờ, ‘như cơn gió mạnh’. Kinh nghiệm sa mạc làm bạn phải duyệt lại các ý tưởng của bạn liên quan tới Chúa Thánh Thần.

Không giống như những nghệ sĩ nhào lộn, Chúa Thánh Thần không phí thì giờ đi bay lượn, lên xuống trong bầu trời thiêng liêng của bạn. Chúa Thánh Thần là gió lốc, Chúa Thánh Thần là lửa thiêu, Chúa Thánh Thần là hành động. Chúa Thánh Thần xô ngã mọi kế hoạch của bạn sang một bên, để bạn lại đó mình đầy thương tích và sừng sốt. Do đó, khi gió thổi, bạn muốn thét lên vì sợ hơn là thờ phào nhẹ nhõm. Khung cảnh là khung cảnh của một đợt nhập băng vũ lực.

‘Có tiếng hô: Trong sa mạc, hãy mở một con đường cho Đức Chúa, giữa đồng hoang, hãy vạch một con lộ thẳng băng cho Thiên Chúa chúng ta. Mọi thung lũng sẽ được lấp đầy, mọi núi đồi sẽ phải bạt xuống, nơi lồi lõm sẽ hoá thành đồng bằng, chôn gồ ghề nên vùng đất phẳng phiu.’ (Is 40: 3-4).

Bất cứ ai muốn cầu nguyện cũng phải biết chấp nhận sự biến đổi đầy mãnh lực và căn đê ấy. Và sẽ không còn an toàn trong các công thức quen thuộc, trong các tập tục đã thành văn hoặc trong các lập đi lập lại đầy máy móc. Khi Chúa Thánh Thần đập cửa đi vào đời ta, Ngài quét đi mọi sự, triệt hạ mọi trật

tự ta đã thiết lập, đảo lộn mọi kế hoạch ta yêu thích nhất. Cái trái khoáy là ta thường phí thì giờ chặn lối không cho Chúa Thánh Thần đi vào.

Quả thực, tôi thấy khó tưởng tượng được là Chúa Thánh Thần đang bay lượn trên đầu tôi. Trái lại, tôi thấy Ngài lao thẳng xuống tôi, và chỉ nghĩ đến đó tôi đã thấy rụng rời.

Con chim ưng, khi thấy mồi, không xòe cánh ra; trái lại cụp cánh vào và lao thẳng xuống đất.

‘Con chim ưng đầu tiên lao thẳng đầu xuống, rồi tấn công bằng một cú chộp nhoáng. Nó lao tới mục tiêu trong nháy mắt. Chim ưng không lao xuống chính con mồi, mà nhằm cái chằm phía xa kia; nhanh như chớp, nó cụp cánh lại và đâm thẳng xuống như viên đạn hù. Dù được báo động, con mồi cũng không kịp phản ứng. Và nó tấn công nhanh như chớp lóe’ (V.G. Rossi, L’orso sogna le pere, Mondadori, 1971, p.137).

Hình ảnh cổ điển của Thánh Giêrônimô cũng xuất hiện trong đầu tôi. ‘Lắng nghe Ngôi Lời là mở rộng cánh buồm ta đón làn gió Chúa Thánh Thần dù không biết mình sẽ đến bến bờ nào’

Nhưng chắc một điều. Không phải buồm ta chỉ được mơn trớn. Chúng bị đánh rất tàn bạo. Nếu không bám chặt lấy thành tàu, ta sẽ bị nhào chết đuối dưới lòng biển.

‘Gió muốn thổi đâu thì thổi; ông nghe tiếng gió, nhưng không biết gió từ đâu đến và thổi đi đâu. Ai bởi Thần Khí mà sinh ra thì cũng vậy’ (Ga 3:8).

Khi Chúa Thánh Thần hành động, bạn sẽ không còn giờ để nhận biết điều gì đang xảy ra. Bạn không có ý niệm nó là gì. Bạn chỉ có mỗi một ý thức rằng một điều gì đó đang sắp xảy ra. Vì Chúa Thánh Thần đã bao hành mảnh đất đang nằm dưới chân bạn.

Hướng dẫn tốt nhất về cầu nguyện

Tôi cảm thấy khá tự hào. Vì, sau khi vượt qua một số chướng ngại, tôi đã ráng tới được một ốc đảo nhỏ xíu chưa được ai đánh dấu trên bản đồ. Và ốc đảo ấy quả tình trở thành nơi lý tưởng để cầu nguyện.

Tôi đã chọn con đường này trong số những lối đi lộn xộn đầy những đụn cát đỏ của vùng Grand Erg. Điều ấy có nghĩa là phải cố gắng nhiều lắm, cả sợ sệt nữa, nhiều khúc như mê hồn trận, rất nhiều những giây phút ngã lòng, gần như muốn bỏ cuộc. Nhưng cuối cùng tôi đã thành công.

Bây giờ, khi tôi trở về, tôi phải chỉ vẽ cho hai cô gái người Pháp muốn tới cái ốc đảo ấy. Tôi phải dùng cả giờ đồng hồ mới cho họ biết hết các chi tiết. Không thể nào họ đi lạc được. Chỉ cần họ bước theo những vết chân tôi để lại.

Và tôi hơi sốt ruột chờ họ trở về. Họ cho tôi hay: ‘Thật là một ngày cầu nguyện khó tin được. Một kinh nghiệm đầy sững sờ. Cảm ơn thầy đã chỉ dẫn chúng tôi đến đó...’

Nhưng thực ra, họ đã tới ốc đảo ấy bằng con đường khác. Những vết chân tôi để lại đã bị gió đêm lấp đi. Nên họ đã phải tự định hướng lấy. Và họ đã tìm thấy một nơi còn thích hợp với việc chiêm niệm hơn cả cái ốc đảo tí hon của tôi. Tôi thấy buồn năm phút.

Ngay cả trong vấn đề cầu nguyện, cũng khó mà cưỡng lại sự thôi thúc muốn thông tri người khác. Chúng ta thông tri viện cớ là dạy người khác biết cách cầu nguyện. Ta muốn mọi người chấp nhận

phương pháp của ta. May thay, Chúa Thánh Thần đã đoán chắc rằng các vết chân của ta nội một đêm sẽ biến mất hết. Ngài mời gọi mỗi người thực hiện một cuộc mạo hiểm riêng trong việc cầu nguyện.

Cầu nguyện là một điều không thể dạy được. Người ta chỉ có thể thông chuyển cho nhau cái cảm thức, cái háo hức, cái mùi vị của cầu nguyện, đồng thời kể cho nhau nghe những khả thể và những rủi ro. Và phải thực hiện những điều ấy cách hết sức dè dặt. Không ai có thể nói với người khác rằng: ‘Cứ cầu nguyện như tôi đi, bạn sẽ thành công!’ Ta chỉ nên nói: ‘tôi đã ở trong xứ cầu nguyện’ rồi khiêm tốn gợi ý: ‘bạn cũng nên thử xem sao’.

Sách vở và các bậc thầy không thể nào dạy ta cầu nguyện được. Họ chỉ có thể cho ta hay có một ốc đảo đầy áp nước. Nhưng bạn không tài nào đến được ốc đảo ấy nếu bạn bước theo những bước chân của người khác. Tôi đồng ý với những người leo núi Alp, họ rút bỏ các đỉnh đóng trên mặt núi nơi họ đã đi qua để những người đến sau không lợi dụng được. Điều ấy không hẳn là ích kỷ. Nó tôn trọng óc sáng tạo nơi người khác. Điều ấy cũng phải đúng đối với việc cầu nguyện. Chỉ cần biết có người đã tới đỉnh và trở về thành người khác. Chính lúc ta không hợm hĩnh đưa ra lối ‘cầu nguyện không mồ hôi nước mắt’ là lúc người khác thực hiện được những khám phá mới. Do đó, khi ta bước sang một bên, Chúa Thánh Thần sẽ cầm chịch.

Cô tịch là tham gia

Khi lên đường đi vào sa mạc, tôi đã tính đủ mọi thiệt hơn. Trong những cái hơn, có một cái tôi chưa bao giờ thú nhận, nó như thế này: Thế là rảnh khỏi mọi người được ít tuần. Ý nghĩ đó chắc chẳng cao thượng chi. Và cũng chẳng đủ lý để biện minh cho nó nữa dù những nhiệm vụ đòi hỏi trong mấy tháng gần đây đã làm thân kinh tôi căng thẳng đến tận cùng.

Tuy nhiên, ngay từ đầu, sa mạc đã làm tôi hối hận vì những tính toán của mình. Nó đã dạy tôi biết phân biệt giữa cô tịch và cô lập. Điều ấy xảy ra lúc chúng tôi gặp cơn giông. Tôi thấy từ cuối con đường hẹp một khối cát khổng lồ đang ào tới phía chúng tôi, một khối cát đáng lẽ không nên xuất hiện ở đây chút nào. Tôi tính có lẽ nên dạt qua phía trái và tăng tốc đa tốc độ. Nhưng bánh xe trượt hăng và chiếc xe đâm vào giữa đụn cát. Chúng tôi ra khỏi xe và bắt đầu đào hố. Bốn con chuột nhũi tìm đường tẩu thoát! Mặt đây cát và dầu mỡ, thỉnh thoảng chúng tôi phải thò đầu lên để thở và lau mồ hôi. Tôi đã thử đề máy nhiều lần, nhưng xe không nhúc nhích. Nên lại phải xuống tiếp tục đào hố. Rồi khi đã hết hy vọng, tôi bỗng la lên, ‘Sao lại chẳng có ai đến cái mảnh đất chết tiệt này thế!’ Và tôi hiểu ra rằng cái ước nguyện ban đầu của tôi đã được thực hiện: Tôi được rảnh khỏi người khác.

Sa mạc dạy tôi phải từ bỏ những tính toán bất xứng của mình. Tôi buộc phải nhìn nhận rằng ngay ở sa mạc ta vẫn cần người khác. Chúng tôi đã phải chấp nhận số phận đành ngồi chờ xe quét cát may lắm sẽ đến trong vài ngày tới, thì bỗng nghe thấy tiếng nổ âm âm của một chiếc xe vận tải đang tiến đến gần. Và từ chiếc xe tải ấy bước xuống hai ba công nhân đang trên đường tới một giếng dầu. Rồi hai người chặn chân, chỉ có Chúa mới biết họ từ đâu tới, cũng nhập bọn. Sẽ không bao giờ tôi có thể quên được cảnh tượng ấy. Chiếc xe Peugeot của chúng tôi được nhấc bổng lên và được những người đàn ông ấy khiêng ra xa mấy thước, trong khi những con lạc đà xếp hàng đứng ngắm. Khi tôi lấy bóp ra, những người đàn ông kia coi đó như một hành vi tởm gớm và họ lấy tay che mặt. Tôi quả không biết tí gì về luật lệ của sa mạc, luật lệ của tình liên đới. Hôm nay bạn gặp khốn khó, ngày mai có thể tôi gặp khó khăn, và bạn sẽ giúp tôi một tay. Nhưng bạc tiền không được phép làm hạ giá những liên hệ giản đơn như thế giữa con người với nhau. Trở lại xe, không một ai nói lời nào trong cả tiếng đồng hồ. Tôi ráng làm sáng tỏ một vài vấn đề. Hình như chính tôi chứ không phải chiếc xe đã mắc cạn trong đụn cát. Tôi đã học được nhiều bài học từ biến cố ấy.

Cô tịch có thể là một nhu cầu chính đáng: trái lại cô lập là một trốn chạy ích kỉ. Trong cô tịch, ta vẫn hiệp thông với người khác: nhưng cô lập loại trừ mọi hiệp thông. Các vị ẩn tu đi vào sa mạc không phải vì muốn thoát ly khỏi con người, nhưng chỉ vì muốn kết hiệp với Chúa. Ta vẫn coi câu châm ngôn xưa có giá trị khi phát biểu rằng trong cô tịch có liên đới.

Thầy Daniel-Ange đã khéo léo nhận xét rằng cô tịch phân cách chỉ là để kết hợp. Isaac xứ Syria không bao giờ mệt mỏi trong việc khuyên các vị ẩn tu của mình phải lưu tâm đến những tiếng than của người đau khổ. Vì Ngài nói, người ta không coi trọng cô tịch khi nó lãnh cảm trước nỗi đau khổ của người khác.

Người ta kể lại câu chuyện về một vị ẩn tu già, sau nhiều năm sống cô tịch, đã trở lại thành phố để xin vua ân xá cho một băng cướp từng tàn phá nơi ông tu luyện.

Và một vị ẩn tu khác trên đường ra chợ bán các sản phẩm do bàn tay lao động của ông tạo nên, đã gặp một người lạ bệnh nặng. Chẳng ai để ý đến người bất hạnh. Thấy vậy, vị ẩn tu thuê một căn phòng và tự tay chăm sóc người bệnh trong bốn tháng. Và ngài chỉ trở lại tu viện sau khi người đàn ông hoàn toàn bình phục (hai truyện này được kể lại trong Dom Louis Leloir, *Désert et Communion, Spiritualité Orientale*, số 26, Bellefontaine, 1978, tr.115).

Người sống cô tịch khám phá ra rằng con đường duy nhất để ta có mặt trên đời là sống trước mặt Chúa.

Theo nghĩa đó, các đan sĩ và các vị ẩn tu chính là trái tim và con mắt của Giáo Hội. 'Có thể nghĩ rằng các đan sĩ khi sống xa thế gian cũng sống xa Giáo Hội. Nhưng thực ra, họ sống giữa trái tim Giáo Hội' (Paul VI).

Người sống cô tịch không tự đặt mình ra bên lề. Ngược lại, họ là thành phần thiết yếu của thế giới.

Evagrius để lại cho ta câu định nghĩa sau đây: 'Đan sĩ là người sống xa mọi sự để kết hợp với mọi người'

Đan sĩ trốn chạy khỏi sự vật để có thể hiến thân cho mọi người. Ngài đã đáp lại tiếng Isaia kêu:

'Hãy nói rộng lều ngươi đang ở, căng các tấm bạt ra, đừng hẹp lòng hẹp dạ.

Nói đây thùng dài thêm, đóng cọc lều cho chắc, vì ngươi sẽ tràn ra hai bên tả hữu' (Is 54:2)

Serafim thành Sarov đã nhìn ra chiều kích công cộng của chiêm niệm. Ông khuyên ta 'hãy thủ đắc an bình nội tâm và hàng ngàn linh hồn sẽ qua bạn mà tìm thấy ơn cứu độ'.

Tư tưởng ấy cũng được một nữ tu trong thời đại ta nhấn mạnh. Trong tác phẩm *Ligne de force de Bethléem*, Chị dòng Marie viết, 'Bạn phải trông rể bạn trong im lặng. Chính sự im lặng này, chứ không phải lời thành tiếng nào, sẽ kết hợp bạn với những người anh em của bạn'.

Trốn khỏi thế gian với những thời thượng và thần tượng của nó là một chuyện, còn trốn chạy các tranh chấp, các đau khổ, các cơn hấp hối của nhân loại lại là một chuyện khác hẳn. Trong trường hợp sau, sự đào ngũ chỉ là một viện cớ.

Thomas Merton quen cảnh giác ta về nguy cơ chọn cô tịch chỉ vì muốn được ở một mình. Và, khi nói về Charles de Foucauld, M. Carrouge quen cho rằng sự cô tịch của ngài là hàng rào chống thế gian, chứ không chống tình yêu.

Căn phòng của đan sĩ phải đông người. Ở đây phải có chỗ cho khuôn mặt dị hình của đứa trẻ chưa bao giờ nhận được nụ hôn, cho sự đơn côi của ông già bị kết án thình lặn giữa một thành phố ồn ào, cho nỗi thất vọng của người đàn bà có chồng bị thẩm sát, cho sự mê loạn của người ghiền ma túy, cho cái nhìn thất thần của nạn nhân bệnh ung thư, cho tiếng kêu thất thanh của người bị tra tấn. Căn phòng không chật vì những khuôn mặt đau khổ của con người không phải là căn phòng trống rỗng, mà là căn phòng ngột ngạt.

Nếu sự đau khổ của con người không gợi được lòng xót thương nơi mắt đan sĩ, hiển nhiên con mắt ấy không hề chiêm ngắm Thiên Chúa. Nếu trái tim đan sĩ không rộng đủ để tiếp nhận máu và nước mắt thế giới, thì trái tim ấy cũng không có chỗ cho Chúa.

Căn phòng đan sĩ, bất luận nhỏ nhoi như thế nào, cũng phải là nơi gặp gỡ và cùng mừng lễ đại đồng. Căn phòng đúng nghĩa nhất là căn phòng mở rộng nhất đón nhận nỗi thống khổ của người khác. Sự cô tịch chỉ chân thực khi có người ngụ cư. Và cách tốt nhất không để người ta chặn lối mình là mời họ bước vào lòng ta.

Giải tư

Các trang bị của chúng tôi nặng đến cả tấn. Chúng tôi tự hỏi liệu chúng có kéo dài được một tháng hay không. Nhưng khi những trang bị ấy dần dần giảm đi, bình an trong tâm hồn chúng tôi lại tăng lên. Chúng tôi không có kinh nghiệm, nhưng dường như đã dự kiến mọi sự, vì chẳng thấy thiếu điều gì. Tuy thế, điều chúng tôi không nghĩ tới là phần lớn những vật phẩm chúng tôi coi là ‘không thể thiếu được’ lại tỏ ra có ích cho người khác hơn. Mọi cái mang đến đều tiện lợi cả. Thực phẩm và thuốc men. Băng vải và ống chích. Kẹo ngọt và bích qui. Sau ít ngày, cái tấn hàng ấy đã gần tiêu tán. Điều ấy giúp chúng tôi khỏi phải lo bảo vệ. Giờ đây chẳng anh nào còn thấy chiếc xe của chúng tôi đáng đánh cắp nữa, nhờ thế chúng tôi được thông dong đi thám hiểm.

Chúng tôi đã thử nghiệm điều nghịch thường đầu tiên của sa mạc: tiện nghi và an toàn tỷ lệ thuận với tình trạng nhẹ nhõm của hành lý. Sự sống còn của bạn sẽ được bảo đảm nếu bạn giải tư con người của bạn khỏi điều bạn vẫn cho là tối cần thiết. Bạn sẽ hiểu ra rằng bạn chẳng cần chi hết nếu bạn hứa chắc sẽ trao cái gì đó cho những người bạn sẽ gặp trên đường.

Dù sao, đó cũng là lẽ luật của chính đời sống. Ta chưa bao giờ nghĩ có lúc lại phải học lại những bài học sơ đẳng về đời sống. Tuy nhiên, thực tế là sa mạc buộc bạn phải chấp nhận nghèo khó. Nếu bạn không chấp nhận như thế, nó sẽ khiến bạn cảm thấy bị lạc loài, không được hoan nghênh, còn bị chế nhạo nữa. Thánh Giêrônimô có lý khi nói: ‘Nudos amat eremus’ (sa mạc thích kẻ trần truồng). Sa mạc quý mến những ai tự giải tư mình khỏi mọi sở hữu.

Và khi chẳng còn gì để cho đi nữa, bạn đã chỉ mới hoàn tất giai đoạn đầu của việc từ bỏ mình. Bạn còn phải đi xa hơn nhiều. Bạn phải từ bỏ chính bạn, ý chí bạn, kế hoạch của bạn, quan điểm của bạn. Rồi bạn sẽ sẵn sàng cho đi chính cuộc đời bạn. Sa mạc yêu quý những ai biết từ bỏ chính mình.

Ý tưởng của Chúa về giải tư

Luôn có nguy cơ giải tư làm con người của mình. Không thiếu những người từ bỏ những giá trị thiêng liêng để chọn những của cải vật chất. Để đạt quyền chức, họ không ngần ngại hy sinh tự do và giập tắt tiếng lương tâm. Để có khuôn mặt mới, họ không ngần ngại cắt bỏ cả đầu.

Cho nên Chúa nói với họ, ‘Đó không phải là thứ giải tư Ta muốn’. Người ta đã thu tích của cải vật chất và tiêu phí của cải thiêng liêng đến như thế nào. Chúa chờ họ ở sa mạc để giải thoát họ khỏi thế gian. Ngài lột khỏi họ những đồ rẻ tiền của trần gian và sai họ ra đi đầy rẫy những quà phúc thiêng liêng. Tuy nhiên, trong sự đổi trao này Ngài cần sự thuận tình của họ. Chúa chỉ có thể rộng lượng khi họ chịu ép mình vào cuộc cách mạng căn để ấy và đến trình diện Ngài với trái tim trong sạch và đôi tay trống rỗng.

Lời cầu xin tẩy tội

‘Gánh nặng vai dân, Ta đã cất cho,

tay họ thôi cầm chiếc ki nô lệ’ (Tv 81:7)

Đối với tâm trí tôi, chỉ có một cách giải nghĩa câu trên. Chiếc ki đây đựng các trở ngại, các khó khăn, các đau đầu, và gánh nặng ấy chỉ có thể là những thánh giá hàng ngày của tôi. Và ta không nên mong Chúa sẽ cất cái nặng ấy đi; ta chỉ nên mong Ngài giúp đỡ để có thể vác được những cây thánh giá ấy. Sa mạc đã chứng tỏ lối giải thích của tôi hoàn toàn sai. Sự thực là chiếc ki ấy đầy những chuyện vô dụng tôi đã thu lượm được, và cái gánh nặng trên lưng tôi chỉ gồm toàn những đồ linh kinh.

Adam tiếp tục lang thang khắp thế giới, thu tích bất cứ điều gì thấy trong tầm tay với ảo tưởng rằng như thế ông có thể bù lại được thiên đường đã mất. Ông đâu hiểu rằng làm như thế chỉ tự chất nặng mình mà thôi. Do đó, cái ảo tưởng kia tiếp tục sống còn. Ông đánh mất Chúa và ông mong bù lại sự mất mát ấy bằng cách thu tích sự vật. Ông hy vọng số lượng sẽ thay thế cho chất lượng.

Đó cũng là điều đang xảy ra cho cầu nguyện. Chúa đổi chất tôi trong cầu nguyện, nhìn vào túi hành trang của tôi và liệt kê những vật dụng vô giá trị của nó. Việc kiểm kê sơ khởi này, một thứ kiểm kê làm ta mắc cỡ, chính là bước thứ nhất của cầu nguyện. Cho nên, để bắt đầu, Chúa không lưu tâm đến những của cải đáng giá của tôi: Ngài chỉ để ý đến những thứ vật vãnh vô giá trị của tôi. Và Ngài lấy những thứ ấy đi để tôi được tự do nhẹ nhõm. Theo nghĩa này, cầu nguyện là một cuộc hành quân thua lỗ. Người cầu nguyện là người phải sẵn sàng chịu lỗ.

Buổi sáng hôm tôi rời Beni Abbes để lên đường tới miền cát đụn, tôi đi qua chỗ đổ rác nơi người ta liệng bỏ xác xe và đủ thứ rác rưởi. Nó quả là một dẫn khởi thích hợp đưa tôi vào sa mạc. Một nhắc nhở tàn bạo cho người ta phải để lại đằng sau tất cả những gì vô dụng.

Núi đồi chuyển động

Người ta nói rằng cát là chứng bệnh chết chóc của sa mạc. Những cơn lồi đình của nó quả là đáng sợ. Bạn hãy nghĩ đến những cơn giông với gió lốc gió xoáy và từng cột cát xùng xững. Những đám mây vàng kìn kịt tụ lại thành một bức màn mỗi phút một đen hơn và đe dọa hơn. Những người du mục vội vàng giữ lấy lừa. Đoàn vật đứng chết xùng vì sợ. Bức màn đen đổ ập xuống căn lừa. Giữa trưa mà tối đen như mực. Rồi cơn gió tàn bạo xé toang mọi tấm lừa.

Những cơn bão cát ấy đã trở thành một phần trong các huyền thoại về Sahara. Người ta kể không phải chỉ là hàng loạt những đoàn vật mà còn cả hàng đoàn quân lính bị chôn vùi dưới cát. Và mỗi cơn bão như thế đều lấp đi hàng loạt những chiếc giếng hoặc phá tan hàng loạt những con đường.

Nhưng tôi khám phá thấy cát cũng là một kinh nghiệm thích thú. Khi sự vật trở lại bình thường, khung cảnh thật là kỳ thú. Trước mắt bạn trải ra cả một đại dương cát lăn tăn. Hãy ngắm nhìn những đụn cát. Màu sắc chúng thật tuyệt. Hình dạng chúng thật say sưa. Tạo nên những đường cong tuyệt mỹ. Tiếp nối từng sờ khi đôi khi bình nguyên, khi tường dốc khi thoải thoải, khi lũng hoắm lúc vắt ngang.

Hai yếu tố giúp tạo nên những đụn cát: thời gian và gió. Gió quét những hột cát từ những hồ cạn và ném chúng vào những núi đá vôi. Những núi đá này, chịu sức tấn công thường xuyên ấy, bắt đầu rơi ra từng mảnh. Cái công việc phá hủy, nghiền tan và gọt dũa này kéo dài cả ngàn năm, và sản phẩm cuối cùng là chính cái suối cát mịn và di động kia mịn đến độ khiến bạn phải cúi bỏ giày.

Cũng vậy, đối với đời sống nội tâm, hai yếu tố sau đây quả là thiết yếu: chiều sâu và lòng kiên nhẫn. Bất cứ đời sống nội tâm chân chính nào cũng đều được đánh dấu bằng một ý muốn đào xới, đục khoan không mệt mỏi qua những lớp đá dày, những vùng rộng lớn tối đen, và những vực thẳm im lặng. Như thế thì không thể dùng đầu ngón tay mà gãi vào đó được để rồi sau đó bỏ cuộc ngay khi bị cái dằm đầu tiên.

Lòng kiên nhẫn, một đặc điểm khác của đời sống nội tâm, đóng một vai trò quan trọng trong việc phá bom các hàng rào phòng thủ của ta, trong việc phá vỡ dần dần ngọn tháp Babel, trong việc xói mòn trạng thái an toàn đầy ngạo mạn và trong việc phá hủy các thói xấu ương ngạnh.

Không hề có những công thức ma thuật theo kiểu mì ăn liền trong việc cầu nguyện để biến đổi cuộc sống bạn. Đó là một diễn trình rất lâu gồm phá hủy, đục khoan và xây dựng lại. Nó đem lại những thay đổi ít khi nhận thấy về trọng tâm, những thay đổi khiêm tốn về quân binh, những chính đôn tiêm tiến về cơ cấu. Tất cả những điều ấy khởi đầu với hạt cát đầu ném tung vào bức tường đá của bạn. Nếu bạn chấp nhận cái viên đạn tí hon đầu tiên ấy, ngọn núi của bạn sẽ bị đe dọa. Đó là bước đầu của một cuộc sống mới.

Phó mình cho Chúa Thánh Thần

Các đụn cát rất thay đổi thất thường, hình dạng và đường nét không bao giờ giữ nguyên. Thật khác xa cái độc điệu của sa mạc. Chính khi chúng phó mình cho gió, các đụn cát có được cái khả năng biến hình như trên.

Cuộc sống thiêng liêng cũng ở trong một diễn trình không ngừng đổi mới. Các đụn cát dạy ta cái bí quyết thay đổi ấy. Hãy trở nên như làn cát mịn, ngoan ngoãn và khiêm nhu, tự hạ mình, sẵn sàng biến mất đi, phó mình cho Chúa Thánh Thần là Đấng muốn thổi nơi đâu tùy thích.

Các đụn cát tự chúng không có một sức mạnh nào; chúng cũng không có một kế hoạch dự án nào cả. Thay vào đó, chúng tùy thuộc động lực của gió và tuân theo đường đi của nó. Một lần nữa, các đụn cát không tạo ra hình dáng của mình; chúng được gió tạo nên hình dáng. Hàng triệu tấn cát trở thành một đụn cát đồ sộ, khó chống lại được chỉ nhờ một yếu tố: ngoan ngoãn vâng theo gió. Khi quan sát những đụn cát muôn hình muôn vẻ, tôi khám phá ra sự quan trọng của thụ động tính trong đời sống thiêng

liêng.

Tôi không còn là người chủ động nữa. Chúa Thánh Thần là thợ máy lành nghề duy nhất, người thợ cả tuyệt đối. Tôi chỉ nên để tùy Ngài nhào nặn. Tôi không lên khuôn hình cho nhân cách mình. Đúng hơn tôi để Chúa Thánh Thần lên khuôn cho tôi tùy ý Ngài. Tôi để Chúa Thánh Thần dẫn dắt tôi hàng ngày. Theo quan điểm của tôi, đó là đức khó nghèo. Và đức vâng lời.

Có quá nhiều các dòng tu nhấn mạnh đến hoạt động và hầu như hoàn toàn cậy vào sức mạnh của con người. Như thế cái nguy thực sự là người ta sẽ tạo ra những con người luôn bị ám ảnh bởi sự trọn hảo bản thân, coi mình một cách quan trọng đến buồn cười, luôn lo lắng đo lường các tiến bộ trên đường đi lên của mình. Những thuật ngữ như đi xuống, trống rỗng và mất mát hoàn toàn không có trong từ vựng của họ. Lúc nào họ cũng đặt câu hỏi: Rồi tôi phải làm gì nữa? Và họ sẽ thất vọng nếu bạn bảo họ câu hỏi ấy sai vì họ đã đảo ngược hẳn lại cái thứ tự của tác động và thụ động.

Lẽ dĩ nhiên, cho thì dễ hơn là tự cho mình đi. Dọn thì dễ hơn bị dọn. Hành động thì dễ hơn bị hành động. Chắc chắn có người sẽ mang chủ nghĩa tĩnh lặng (quietism) ra mà hù dọa. Theo tôi, không có ai tĩnh lặng hơn, ù lì hơn người luôn trông cậy vào các hoạt động của mình chứ không trông cậy vào hành động của Chúa Thánh Thần. Khi bạn để Chúa Thánh Thần hướng dẫn bạn trong cuộc sống cầu nguyện, bạn sẽ được giải cứu khỏi quán tính (inertia) của chính các hoạt động của bạn và được tiếp cận một cách toàn diện với hành động của Thiên Chúa, là hành động không bao giờ trì hoãn. Bạn đã phó mình cho Chúa Thánh Thần rồi vậy.

HÃY TỰ BIẾT BẠN

Trong cuộc hành trình xuyên qua các đụn cát, tôi luôn có ấn tượng mạnh về khoảng không gian bao la bát ngát quanh tôi. Nhìn đâu tôi cũng thấy vẻ hoang dã nơi các đường nét và sự vô tận nơi màu sắc. Nhưng rồi chẳng bao lâu tôi đã thấy chán cái độc điệu của cảnh trí đẹp đẽ này và phải đảo mắt đi tìm một cái gì khác có thể làm tôi chú ý. Càng ngày tôi càng có mối hoài nghi là cái cảnh trí của sa mạc chưa chắc đã thích thú bằng những gì đang ẩn sâu dưới lòng cát. Như thế há không hay hơn nếu ta chịu đi thám hiểm bề sâu dưới lòng cát hơn là mặt trên của lòng cát?

Theo loại suy, cầu nguyện là lời mời bạn phải nhìn vào phía trong của chính bạn. Để tự biết mình. Cầu nguyện là đi thám hiểm chiều sâu chưa ai biết đến của con người bạn. Và điều ấy có thể mang lại nhiều phát kiến đầy ngạc nhiên. Trong sa mạc, bạn có thể bước đi cho đến lúc gan bàn chân của bạn nát bấy; tuy nhiên, theo nghĩa thiêng liêng, bạn chỉ trở thành người của sa mạc khi bạn dám đi vào chiều sâu của chính cái chân thân của bạn. Khi ấy, chán ngán sẽ nhường chỗ cho hết ngạc nhiên này tới ngạc nhiên khác. Sự vắng bóng người khác dọn đường cho bạn gặp gỡ chính mình bạn. Sống bề mặt chỉ là sống bên lề cuộc đời. Là ra mù đối với chính cuộc đời. Sự thám hiểm của con người vào không gian bên ngoài đã kỳ thú biết bao: nhưng cuộc hành trình vào chính không gian bên trong của họ còn kỳ thú hơn nhiều.

Thánh Thần cầu nguyện trong ta

Đôi khi người ta phàn nàn rằng họ không còn khả năng cầu nguyện nữa. Nhưng xét cho cùng, điều ấy chưa chắc đã tệ. Cứ để họ đẩy trạng huống thiếu khả năng ấy đến chỗ bất khả thể và đạt tới tình trạng vô vọng. Đến lúc đó họ sẽ khám phá ra rằng con người tự mình không hề có khả năng cầu nguyện.

Lúc đó là lúc ‘Thần Khí đến giúp ta là những kẻ yếu hèn vì chúng ta không biết cầu nguyện thế nào cho phải’ (Rm 8:26). Thực vậy, khi ta muốn cầu nguyện, ta thật lúng túng bối rối, chẳng biết phải xin gì, và phải xin thế nào. Nhưng chỉ cần ta nhìn nhận sự vô vọng của mình, Chúa Thánh Thần sẽ đến giúp ta. Ngài sẽ cầu nguyện trong ta.

Trong sa mạc, tôi học được câu ngạn ngữ Ả-rập sau đây: ‘Dưới đáy giếng sâu, luôn luôn có nước. Bất hạnh thay cho người có dây kéo không đủ dài’. Lẽ dĩ nhiên, không ai trong chúng ta có dây kéo đủ dài để mức nước nơi giếng sâu của cầu nguyện. Sợi dây ấy đã được ban tặng cho ta như quà phúc. Tuy nhiên, Chúa Thánh Thần không những chỉ ban cho ta phương thế để cầu nguyện. Ngài còn cầu nguyện ở trong ta ‘bằng những tiếng rên xiết khôn tả bằng lời’ (Rm 8:26).

Cho nên ta bắt đầu cầu nguyện khi ta biết nhìn nhận rằng ta không thể cầu nguyện được bằng chính phương tiện của ta. Tôi dám nói rằng ta chỉ có thể cầu nguyện nếu biết nhìn nhận sự bất lực cầu nguyện của chính mình. Cho nên cầu nguyện không phải là chiến thắng mà là đầu hàng Chúa Thánh Thần, Đấng cầu nguyện trong ta. Tôi cầu nguyện, nhưng không phải là tôi cầu mà là Chúa Thánh Thần cầu nguyện trong tôi.

Đặc điểm việc cầu nguyện của Kitô giáo

Khi chứng kiến hiện tượng phổ quát muốn ‘quay về Đông phương’ với những khía cạnh tích cực và những yếu tố bí truyền đáng nghi của nó, tương tự ta nên khôn ngoan nhấn mạnh đến các đặc điểm của việc cầu nguyện theo tinh thần Kitô giáo.

Trái với những truyền thống khác nhau của nền huyền học Đông phương, là nền huyền học đưa con người đến những đỉnh cao hiếm hoi, việc cầu nguyện của Kitô giáo đảm bảo là đôi chân bạn phải đứng vững trên mặt đất. Nó không để bạn chạy trốn khỏi những vấn đề thực tế của cuộc sống giữa lòng đời.

Theo Thánh Gioan Climacus, người chiêm niệm chân chính là người sống trong thiên đàng hạ giới; đầu họ không ở trên mây. Trái lại, họ kéo thiên đàng xuống cái trần gian tội nghiệp này. Chính vì lẽ đó, trái tim của nhà chiêm niệm nằm trong chính trái tim thế giới.

Trong khi huyền học Đông phương không chú trọng đến cá nhân, thì các truyền thống Kitô giáo trong huyền học và cầu nguyện lại trân quý cá nhân rất cao. Đó là cuộc đối thoại và hiệp thông giữa Thiên Chúa và con người. Cho nên chính trong việc cầu nguyện theo tinh thần Kitô giáo chân chính mà Thiên Chúa trở thành bạn thân của con người.

Thân xác lúc cầu nguyện

Tư thế thích đáng khi cầu nguyện đáng được bàn đến ở đây. Vì dù sao, xu thế thiêng liêng của ta cũng phản ánh ngay trong chính thái độ thân xác của ta.

Tôi nhớ lại các chị dòng Bê Lem tại tu viện Đức Bà vùng Voiron có thói quen im lặng đứng thẳng lên rồi từ từ cúi xuống cho đến khi trán họ chạm đất. Qua cử chỉ ấy, họ nhìn nhận sự cao cả của Chúa.

Quỳ gối và cúi đầu là những cách thức thích hợp khác để biểu lộ sự thờ lạy. Trước uy quyền tuyệt đối của Đấng Hóa Công, tạo vật bày tỏ cả lòng suy phục lẫn sự tự do của mình. Charles Péguy chủ trương rằng, trên đời, không còn cảnh tượng nào đẹp hơn cảnh tượng một con người tự do đang quỳ gối.

Phần tôi, tôi không thích giơ thẳng cánh tay lên trời vì nghĩ, có khi làm chẳng, rằng nó có thể hàm nghĩa mình muốn cướp điều gì đó khỏi thiên đường. Đương nhiên tôi chẳng cần phải làm điều đó, vì Chúa luôn chờ một ai đó sẵn sàng đón nhận quà phúc của Ngài. Tôi thích tư thế trong đó cánh tay để thông một bên sườn, với lòng bàn tay hướng ra ngoài. Hoặc khủy tay gập lại tạo thành những góc 90 độ trên thắt lưng với lòng bàn tay hướng lên trên. Tư thế ấy cho thấy xu thế kép: sẵn sàng tiếp nhận và hành động. Cùng một lúc vừa canh thức vừa qui hàng. Tôi nghĩ có lẽ đó cũng là tư thế của Trinh Nữ Maria lúc Truyền Tin. Một phối hợp tuyệt tác giữa khiêm nhường và tư cách. Giữa tiềm năng và thu nhận. Một cõi mở đón nhận Chúa.

Tôi không thích cái lối cầu nguyện hai tay ôm lấy đầu. Tư thế ấy làm tôi có cảm tưởng đầu tôi như quả cầu đang chứa đủ mọi vấn đề cần được giải quyết. Thái độ ấy vô tình cho thấy ta cho ta quá quan trọng. Dường như ta sợ cái đầu tư lự kia có thể cầu bầu được một ân phúc gì đấy. Đầu ta khá giới hạn. Không nên mong chờ mọi vấn đề của thế giới được chứa trong đó.

Như thế thì tốt hơn nên lựa một tư thế có thể diễn tả được lòng khiêm nhường, tinh thần trách nhiệm và sự thư thái an bình. Vậy thì tay, chứ không phải đầu. Đầu có khuynh hướng độc quyền và quản trị các quà phúc của Chúa, biến chúng càng ngày càng nghèo nàn đi. Nhưng, giữa chúng, đôi tay có khoảng cách rộng. Trong cái khoảng trống ấy, các quà phúc không bị trưng dụng nhưng được tự do trong mọi tiềm năng của chúng. Sở dĩ tôi không chắc chắn về những người cầu nguyện trong tư thế đầu cúi trong tay, vì tôi biết chắc rằng những quà phúc tốt nhất không có trong những quả cầu của đầu họ. Và xét cho cùng, nếu có cái gì xuyên qua được đầu họ, thì chúng cũng bị gạn lọc để trở thành những quà phúc rẻ tiền và cũ mèm.

Cho nên phải là tay, những bàn tay mở rộng. Trong chúng, cả thế giới được hiến tặng cho ta. Qua chúng, ngày ngày ta tiếp nhận sự hiện hữu của mình. Với chúng, ta chẳng còn phí thì giờ đi ôm đầu. Khi tay vươn ra và mở rộng với thái độ sẵn sàng tiếp nhận, thì đầu sẽ yên ổn dù vẫn ở vị trí bình thường. Tôi tin tưởng đôi tay. Chúng sẵn sàng đón nhận sự rộng tay của Chúa nhiều hơn.

Cầu xin điều không thể có

Trong sa mạc, bạn buộc phải sống trong những điều kiện rất bấp bênh, gần như tuyệt vọng. Bạn có nguy cơ chết đói, chết khát, hoặc điên lên vì đơn độc. Không hẳn là vấn đề lo âu vì thiếu các tiện nghi quen thuộc hoặc gặp khó khăn này khó khăn nọ. Thực chất là bạn 'bị thất lạc' không hơn không kém. Và chính đến lúc ấy, và chỉ lúc ấy thôi, tiếng kêu của bạn sẽ biến thành lời cầu xin cho được điều không thể có.

Cho nên có loại cầu xin cho được phép lạ và đã được nhận lời; nhưng cũng có loại cầu xin sợ gặp phép lạ nên hài lòng khi nhận ít hơn. Lời cầu trước là một mạo hiểm nghiêm chỉnh đi vào đức tin trong khi lời cầu sau là một mạo hiểm mạo hóa cần được bảo hiểm tránh mọi rủi ro.

Tôi từng đọc đi đọc lại câu chuyện cảm động về Ha-ga. 'Sáng hôm sau, Abraham dậy sớm, lấy bánh và một bầu da đựng nước đưa cho Ha-ga. Ông đặt đứa bé lên vai nàng và bắt nàng phải đi. Nàng đi lang thang trong sa mạc Beersheba. Khi nước trong bầu da đã cạn, nàng vất đứa bé dưới một bụi cây, rồi đi ngồi đối diện, cách xa khoảng tầm cung bắn. Nàng nói: Sao cho tôi đừng nhìn đứa bé chết. Nàng ngồi đối diện và bật tiếng khóc. Thiên Chúa nghe thấy tiếng đứa trẻ khóc ...và Ngài cho nàng thấy một giếng nước' (St 21:14-19).

Lạy Chúa, trong khi cầu nguyện, con thường bắt chước vai Ha-ga. Con thích cảm giác bị bỏ rơi và hiểu lầm, nạn nhân của bất công tàn bạo nhất, bị đuổi khỏi cung đình một cách đê hèn và lừa lọc, chẳng ai thèm để ý đến các phục vụ tốt của mình. Có điều con chưa bao giờ đẩy mình đến điểm tận cùng của đức tin như Ha-ga. Con lạc đường, nhưng còn tấm bản đồ trong túi. Con trốn vào sa mạc, nhưng đầy mình những trang cụ và thức ăn. Con đến gặp Chúa, nhưng vẫn tính toán đâu là khoảng cách tới chỗ an toàn gần nhất. Nói ngắn gọn, con chưa bao giờ chịu để cho nước trong bình cạn đến giọt cuối cùng. Qua bản năng con biết rằng nếu nước xuống tới mức nguy hiểm, con sẽ tìm tới giếng nước con đã ghi dấu trước.

Cô tịch, vâng. Nhưng nếu nó trở nên không còn chịu thấu, con sẽ quay một vài con số và sẽ được nghe giọng nói trấn an của bạn bè. Như thế, lời cầu nguyện của con thuộc loại ‘tham quan’ hoặc ‘nguy hiểm giả’.

Lạy Chúa, cuộc hành trình vào sa mạc của con chắc chắn là để gặp Chúa. Nhưng con vẫn không loại ra ngoài những gặp gỡ khác. Đất Hứa, đã dành. Nhưng cả Ai Cập cũng được nhắm tới. Lạy Chúa, con trông cậy Chúa mọi sự. Nhưng nếu Chúa chậm đáp ứng, con cũng đã sắp xếp để nhận được một vài món cần cho cuộc mưu sinh của con. Cho nên, Lạy Chúa, sự chọn lựa không phải giữa Chúa và cái chết, nhưng giữa Chúa và việc tìm đến những trợ giúp khác kê tay.

Đức tin của con đã lớn mạnh đến chỗ con không còn phải bận tâm mang theo tiền bạc nữa. Con đã có thể khước từ những sự vật con vẫn hưởng dùng. Lạy Chúa, chỉ để chứng tỏ Chúa là chiếc dù tài chánh duy nhất che chở con. Nhưng thực tế ra, con đã để lại một tồn mục ngân hàng khiêm tốn, dù hy vọng rằng mình sẽ không phải dùng đến nó để con hoàn toàn nhờ cậy vào sự quan phòng của Chúa.

Quả là giả tưởng! Ha-ga. Nhưng bầu nước gần như lúc nào cũng đầy. Và một bác sĩ sẵn sàng có đó cho đứa con.

Trong hoàn cảnh ấy, cầu nguyện có thể là tiếng thở thê, tiếng than, tiếng thờ: nhưng không phải là tiếng kêu gào. Cầu nguyện chỉ là tiếng kêu gào khi bầu nước đã cạn và thuyền bè cháy rụi phía sau.

Lạy Chúa, con xấu hổ vì tính giả hình của mình. Con biết tại sao lời cầu của con chẳng bao giờ nhận được phép lạ. Dĩ nhiên trừ khi con sẵn sàng nhìn thấy giọt nước cuối cùng trong bầu đã biến mất hoặc, hơn nữa, đập nát cái bầu nước dự trữ đã nát tan.

Lạy Chúa, khi chẳng còn gì khác ngoài giọng nói hoặc khi cả giọng nói cũng không còn, mà chỉ còn lại sự im lặng để gào Chúa đến cứu giúp, thì lúc ấy, và chỉ lúc ấy thôi, con mới có thể dám đi tìm điều không thể có được.

Lời cầu nguyện thám thính

‘Đức Chúa phán với Mô-sê: Ngươi hãy sai người đi do thám đất Canaan, đất mà Ta sẽ ban cho con cái Israel... Do đó, Mô-sê đã sai họ đi với những chỉ thị như sau: Từ đây hãy đi lên phía Bắc rồi vào vùng núi. Hãy quan sát xứ ấy với dân chúng của nó. Xem chúng mạnh hay yếu, ít dân hay đông dân. Để ý xem đất nơi ấy tốt hay xấu, và dân chúng sống trong các thị trấn ra vào tự do hay trong các đô thị có hàng rào phòng thủ. Quan sát xem đất cát có màu mỡ không hay là cằn cỗi. Anh em hãy can đảm, và lấy ít hoa trái miền ấy đem về. Bấy giờ là đầu mùa nho’ (Ds 13:1 ff).

Giữa Ai Cập và Đất Hứa, ta thấy có sa mạc, một thứ sa mạc đầy đe dọa và không một bóng người. Nơi đến, dù ở xa, cũng có thể kéo gần lại qua công tác do thám. Những tin tức do các đội thám thính đem về có thể rất có ích trong việc đặt kế hoạch cho việc tấn công.

Một cái gì giống như thế cũng xảy ra cho việc cầu nguyện. Vì đây cũng là vấn đề quan sát. Bên cạnh việc nhìn vào con người bên trong của mình, ta cũng nên nhìn ra bên ngoài, vượt qua chốn này và bây giờ. Cầu nguyện phải làm ta thoát ra ngoài việc tự cột mình vào cõi hiện tại, tự giam mình vào những biên giới hiện có, kéo lê lối sống như thói quen.

Cầu nguyện giống như lỗ hổng lớn trong nhà tù hiện tại. Qua cái lỗ hổng lớn ấy, người ta có thể nhìn thấy những miền đất chưa ai thăm dò và những chân trời mới lạ. Nó mở ra những triển vọng hướng tới tương lai, mời gọi ta đi vào xứ sở huyền nhiệm của tiềm năng sung mãn. Cầu nguyện không ngừng thay đổi biên cương. Nó phá vòng vây nô lệ đưa ta vào 'miền đất tốt tươi, rộng lớn' (Xh 3:8).

Cầu nguyện không cho phép ta sống hoài cổ trong quá khứ hoặc tự bằng lòng với hiện tại. Nó vươn ra xa. Nó chống tĩnh tụ. Nó đưa ta đến tự do.

Trong sa mạc, có cái nguy cơ muốn nhìn lui và tiếc nỗi những gì mình để lại đằng sau. Nhưng còn cái nguy cơ lớn hơn thế đó là làm coi cái lều tạm bợ như điểm đến cuối cùng. Nói cách khác, nguy cơ hệ ở chỗ nghĩ rằng sa mạc thực sự là Đất Hứa.

Với khuynh hướng mạnh mẽ muốn thăm dò những gì nằm bên ngoài biên giới, cầu nguyện đã phá bỏ được cái nguy cơ kia và làm sống lại cuộc sống thiêng liêng bằng tính năng động của nó.

Từ cái bản chất thăm dò này, ta thấy có hai thứ cầu nguyện khác nhau: cầu nguyện tuần phòng và cầu nguyện thám thính.

Trước nhất là cầu nguyện tuần phòng. Đó là việc đi tuần tra thường xuyên và chi tiết mảnh đất đã chiếm cứ được. Bước đi thận trọng, điệu bộ có thể đoán trước, nháo nhác nhìn quanh. Kiểm soát thường lệ. Quan tâm chủ chốt là làm sao đừng ra ngoài qui phạm, không chường mình cho nguy hiểm, không vượt qua rào cản, không liêu lĩnh bạo phổi. Tóm lại, là thái độ đề phòng. Nếu có di động, phải hoài nghi ngay. Nếu không có dấu thói quen, phải khước từ lập tức. Lối cầu nguyện này có thể được định nghĩa là lối ở nhưng thiêng liêng (spiritual idleness).

Lối thứ hai là lối cầu nguyện thám thính. Bước nhanh và di động gấp. Can đảm khước từ những con đường, những lều trại và những nơi trú ẩn đã được thiết lập sẵn. Không có ủy nhiệm thư chính thức. Không ai đứng đó chờ tiếp đón bạn. Bạn sẽ không phải là khách danh dự. Bạn là tên do thám trong mảnh đất đã được hứa cho bạn. Và bạn phải chiếm được mảnh đất ấy, từng gang tấc một.

Nhưng do thám một xứ sở là một chuyện, mà chiếm hữu được nó lại là một chuyện khác. Do thám chỉ là một khích lệ để chiếm đất. Bạn bước vào cõi vô minh vì bạn nghi ở đấy có một thực tại vượt quá cái thế giới quen thuộc hàng ngày.

Người lính đi tuần về, cho bạn an tâm mọi sự đều bằng an. Nhờ thế bạn ngủ ngon lành bình an. Nhưng nếu người về là tên do thám, họ sẽ cho bạn biết bạn không thuộc đất này, thế là bạn ngủ chập chờn nặng nề.

Lẽ dĩ nhiên, cầu nguyện không khước từ hiện tại; đúng hơn, nó làm ta hiểu ra rằng hiện tại mà thôi chưa đủ. Chờ đợi mà thôi chưa đủ. Cho nên, ai thực hành việc cầu nguyện đúng nghĩa cũng đều không ngồi đó chờ cho sung rụng. Họ mạo hiểm đi vào miền đất chưa ai biết đến, tức miền Đất Hứa.

Miền đất tràn đầy sữa và mật ong

‘Họ vào đến thung lũng Ét-côn, ở đó họ chặt một nhánh nho và một chùm nho; nhánh ấy nặng đến nỗi hai người phải dùng sào mà khiêng, họ cũng lấy cả lựu và vả’ (Ds 13:23).

Thật là vất vả. Quả là bất hạnh phải bỏ lại đất Ai Cập đủ món sơn hào hải vị. Họ tiếc nuôi chuỗi ngày ngồi bên bàn ăn đầy những bánh và thịt. Giờ đây chỉ toàn là nho, lựu và vả. Họ chịu cái đắng đót của tiêu hóa, vì thiếu lương thực.

Người Do-thái cảm thấy thương cho số mệnh mình vì những điều phải để lại trên đất Ai Cập và vì những gì chưa nắm được từ miền Đất Hứa. Thật là khó mà nói được rằng chính những nỗi thịt của Ai Cập hay những sữa cùng mật ong của Đất Hứa đã gây nên những cơn đói run người này.

Sa mạc cũng thế. Bạn để lại phía sau những gì cho đến nay bạn vẫn cho là không thể thiếu được. Với ý muốn được nếm thử và nhìn thử xem Chúa ngon ngọt dường nào, bạn đã chọn đi tìm sữa và mật ong của Đất Hứa. Tuy nhiên, bạn có thể chỉ thấy vùng đất khô cằn, nơi bạn không thấy chi ngoài sự vắng bóng. Vắng bóng cái bạn đã có. Vắng bóng điều người ta hứa cho bạn.

Chúa cho bạn thấy cơn khốn khó của bạn chính là cái trống rỗng gây ra do những điều bạn không có và không là. Bạn khốn khổ vì thiếu điều bạn đã tự ý từ khước và thiếu điều bạn được hứa cho. Thực tế, cầu nguyện không mang lại cho bạn hoa quả của Đất Hứa. Nó chỉ tổ đưa đến cái đói cái khát điều Chúa đã hứa, trong khi phải quên không được nhớ đến những gì bạn đã để lại phía sau. Như những người do thám được Mô-sê sai đi thuở nào, cầu nguyện sẽ đem về bản phúc trình sau đây: đất ấy có đủ mọi điều tốt lành; có thể có bình an; cả vui sướng, đơn thành và tự do nữa.

Mùa nho bắt đầu đúng lúc tôi lên đường đi tìm chúng. Tôi phí khá nhiều thì giờ để mà ta thán khi Chúa triển hạn chưa trao quà phúc. Mà thực ra có phải là Chúa đâu mà là chính tôi đã trì hoãn chuyến đi vào Đất Hứa. Khi những người do thám trở về với nhánh nho, lựu, vả kịt kịt, người Do Thái bắt đầu tranh luận sôi nổi. Họ kêu la, khóc lóc suốt đêm (Ds 14:1).

Cả hai phản ứng đều sai. Chỉ có một việc phải làm: lên đường vào Đất Hứa. Sau lời kinh cầu do thám, chẳng còn vấn đề được khích lệ hay bị ngã lòng, hả dạ hay siu siu ền ền nữa. Điều đáng quan tâm chỉ là tôi có chịu cương quyết bắt đầu lên đường hay chưa.

Giải phóng đất hứa

‘Bấy giờ, ông Ca-lép truyền cho dân đang phản đối ông Mô-sê phải im lặng, ông nói: Ta cứ lên chiếm miền ấy, vì chắc chắn ta có thể thắng được. Những người đã cùng lên với ông đáp lại: Ta không thể lên đánh dân ấy, vì họ mạnh hơn ta... Ở đó, chúng tôi đã thấy những người khổng lồ, và sánh với họ, chúng ta chỉ là châu chấu, và ta phải coi họ như vậy’ (Ds 13: 30-33).

Họ đã thám hiểm cùng một xứ sở, quan sát cùng một sự vật, đã thấy cùng một giống dân. Nhưng họ đã đi đến các kết luận khác nhau: người thì cho là phải động binh đến đó ngay, kẻ lại cho là phải hủy bỏ cuộc tấn binh ngay lập tức.

Cuộc xuất hành ra khỏi Ai Cập chỉ là bước đầu. Giờ đây là lúc cần phải giải phóng Đất Hứa khỏi những lực lượng dưng mãnh đang chiếm đóng nó. Cuộc xuất hành, hay cuộc hành trình xuyên qua sa mạc, căn bản là một kinh nghiệm tự do. Nhưng đồng thời nó cũng là một chuẩn bị để chiếm đóng. Tuy nhiên, ta thấy có hai quan điểm trái ngược. Một quan điểm căn cứ trên chòm nho khổng lồ. Quan điểm kia căn cứ vào những tên khổng lồ đáng sợ. Theo quan điểm đầu, cuộc tấn kích đáng được khởi sự. Quan điểm thứ hai cho rằng cuộc tấn kích không thể thực hiện được và nên từ bỏ cái ý nghĩ tấn kích đi.

Trong mỗi người chúng ta, đều có hai loại người tuần canh. Loại thứ nhất ủng hộ cuộc tấn công. Loại thứ hai ủng hộ dậm chân tại chỗ. Còn trong cầu nguyện, một lần nữa bạn lại được nghe giọng nói quen thuộc, ‘tấn công đi vì chắc chắn ta sẽ thắng’. Và chỉ trừ khi bạn chịu cương quyết tấn công, bạn sẽ không bao giờ nhìn ra rằng đối với Chúa, chả có chi là không thể thực hiện được.

Trở lại Ai Cập

Kinh nghiệm sa mạc quả là kỳ lạ. Như dân Do thái, tôi cũng đã được giật thoát ra khỏi những sự từng cột trói mình. Tôi cũng đã lên đường đi đến Đất Hứa. Nhưng giờ đây tôi đang bắt đầu hoài nghi rằng hình như đích đến của tôi sau cùng lại là đất Ai Cập, miền đất tôi đã từ giã ra đi. Một Ai Cập không còn những kẻ thù từng giam hãm tôi. Như thế cái đất Ai Cập mới này đã trở thành Đất Hứa của tôi.

Thực ra, đâu có ảo tưởng như thế. Kẻ thù tôi đâu có chết chìm hết tại Biển Đỏ. Khi trở lại đó, tôi sẽ thấy chúng đang phục sẵn chờ tôi. Và tôi sẽ phải chiến đấu chống lại chúng. Chỉ khác là lần này không phải để thoái lui. Mà để vào thành, chiếm lấy những gì vốn thuộc của tôi.

Sa mạc không cho phép ai chần chờ. Nó chuẩn bị để bạn chiến đấu. Đất Hứa là chiến địa mà cũng là đất hòa bình. Người cầu nguyện không chỉ cảm thấy bình an yên ổn. Họ được đào tạo để nhận ra rằng đời sống người Kitô hữu là một cuộc chiến đấu không ngừng. Theo nghĩa đó, kinh nghiệm sa mạc dẫn bạn trở lại điểm khởi hành, trở lại môi trường, công ăn việc làm và đời sống hằng ngày trước đây của bạn. Chỉ khác một điều nay bạn đã là người tự do.

Bạn có ngời thoải mái không?

Tôi nhớ có cuốn sách dạy người ta biết cách sống thoải mái hơn. Trong sa mạc, những chỉ dẫn như thế làm gì có. Vì ở đây, cuộc sống trăm bề khó chịu.

Cầu nguyện từng dạy tôi phải chịu thương chịu khó ra sao. Thực vậy, cầu nguyện bắt người ta phải chịu những điều khó chịu. Thật khó mà chịu đựng được chính con người của mình. Điều gì trong tôi cũng làm tôi bực mình. Tôi thấy mọi ý nghĩ, mọi dự định và mọi sở thích của mình đều đáng chán. Thực tế là tôi tự đóng kín lấy mình, đến độ ngộp thở. Có cơ may là nếu tôi tiếp tục cầu nguyện, cái vỏ hén bao bọc tôi có thể nứt ra. Làm thế nào trước đây tôi lại đã có thể muốn cho cái vỏ hén ấy đủ lớn để mình có chỗ cựa quậy? Có lẽ càng tiến sâu vào sa mạc, trong tôi càng có một cái gì đó lớn dần lên. Nhưng rồi cái lớp vỏ đầu không những làm mình phiền phức, mà còn là nguyên cơ gây cơn đau và ngẹt thở càng ngày càng mạnh. Hoặc cũng có lẽ sự bất tương hợp giữa cái tôi trước đây và cái tôi sau này vẫn luôn luôn có đó, nhưng chưa bao giờ được công nhận là khó chịu, là đau khổ hay bực bội, nhờ hiệu quả gây mê do việc thiếu vắng cầu nguyện gây nên.

Ừa, thế ra cầu nguyện là một thứ ma túy (drug) hay sao? Ai nói cái cầu nguyện ấy? Chính lúc bạn bắt đầu cầu nguyện là lúc hiệu quả gây mê của phóng đấng bắt đầu tan đi. Bao lâu bạn không cầu nguyện, thì ngay đến những giá trị căn bản nhất của bạn cũng sẽ bắt đầu bị sói mòn. Cho nên, không thể nào vừa thoải mái (dù theo nghĩa thô thiển nhất) vừa yêu Chúa cùng một lúc được. Chúa sẽ không yêu cầu bạn phải lên đường rời bỏ quê hương của bạn, như Ngài đã yêu cầu Abraham, nếu trước đó Ngài chưa gạt bạn khỏi chiếc ghế bạn đang ngồi thoải mái, làm bạn không thể chịu đựng được việc cứ bám riết lấy cái vỏ hên giả tạo mà chính bạn đã tự khoác lấy cho mình.

Ngay khi tiếp nhận cái tia sáng đầu tiên từ Chúa, bạn sẽ nhận ra mình đầy thương tích. Có cái gì đó vỡ tan trong bạn. Chúa sẽ khiến bạn nhận ra rằng bao lâu còn sống trong nhà tù bản thân, bạn sẽ còn thiếu khí thở và ánh sáng. Những lúc như thế, bạn tất nhiên sẽ khó thở. Nên bạn phải ra ngoài con người của mình, phá sập những bức tường nhà tù của chính bạn.

Con người không bao giờ được hạnh phúc nếu họ chỉ là người. Muốn thấy mình thoải mái với chính mình và với thế giới, họ phải lên đường đi tìm Chúa. Chúa là thước đo chính xác cho con người. Trong bối cảnh này, lời của Thánh Phaolô thật rõ nghĩa: ‘ Anh em đã cởi bỏ con người cũ với những hành vi của nó rồi, và anh em đã mặc lấy con người mới, con người hằng được đổi mới theo hình ảnh Đấng Tạo Hóa’ (Cl 3: 9-10). Con người cũ, không còn thích hợp với bạn, sẽ làm bạn chết ngạt, sẽ giam cầm bạn. Con người mới, thích hợp với bạn, là chính hình ảnh nguyên thủy đã bị mất nay tìm lại được.

Nếu Chúa không khiến bạn cảm thấy khó chịu ngay bên trong bạn, thì chẳng ai dám chắc liệu bạn có khả năng tìm ra Ngài trong cầu nguyện hay không. Trong sa mạc, bạn sẽ không thấy chiếc gương nào để chiêm ngắm hoặc để khinh mình. Cả hai việc ấy dù sao cũng đều vô ích. Tuy nhiên, bạn sẽ thấy ra hình ảnh nguyên thủy của mình. Và từ lúc ấy, không còn ảo tưởng chi nữa, bạn sẽ phải đương đầu với, không phải là niềm ủi an, mà là những hành khổ do Chúa nghĩ ra.

CA TỤNG NGƯỜI CẦU NGUYỆN

‘Bên Thánh Nhan, Ngài dấu họ kỹ càng, khỏi người đời mưu hại’ (Tv 31:21).

Những đụn cát cũng cho ta nơi trú ẩn an toàn. Cần thận tìm kiếm đôi chút quanh các đụn cát, ta sẽ khám phá ra nhiều góc ngách nơi ta có thể ẩn mình dễ dàng. Tuy vậy, tôi chưa bao giờ tìm cách ẩn mình trong thời gian tôi ở sa mạc. Trái lại tôi luôn tìm cách trèo lên những điểm cao nhất, dù cho có lúc tôi thấy mình như đang ở trong một giao thông hào hay một hầm trú ẩn. Những lúc như thế, tôi hiểu ra ý nghĩa của lời thánh vịnh trái khóay trên đây: ‘Bên Thánh Nhan, Ngài dấu họ kỹ càng’.

Thực ra, còn có cái gì được phô ra ngoài cho bằng bộ mặt. Còn có cái gì ít được chống đỡ bằng nó. Ấy vậy mà khi được dấu kỹ nơi Nhan Thánh Chúa, người cầu nguyện thực sự được che chở khỏi những mưu đồ của thế gian và con người. Dĩ nhiên, theo quan điểm loài người, người cầu nguyện là người ngây ngô và ở thế yếu; thực tế ra, họ ở bên ngoài những mưu toan, những tính toán và những thông đồng của người đời.

An toàn trong Thánh Nhan Chúa, người cầu nguyện không còn phải bận tâm lo bảo vệ mặt mình. Ông khôn ngoan ý tứ nhưng không nhát gan rụt rè. Chân thật nhưng không đần độn. Họ không bị quyền lực làm ra thối nát nhưng cũng không chịu chiều theo nịnh bợ. Họ đi lại và hành động hoàn toàn

tự do và tự phát thoải mái. Họ tôn trọng mọi người nhưng họ không nể vì ai (coi mọi người như nhau). Họ không chạy chọt nơi quyền thế vì họ không có tham vọng. Họ chỉ cúi đầu thờ phượng Chúa thôi. Họ không tự phụ, không đua tranh, không trả thù trả đũa. Họ không tìm quyền lực, ân huệ hoặc tiếng khen.

Người cầu nguyện không tìm cách đưa mình lên. Trái lại họ vui sướng khi bị lãng quên. Họ không biết xử trí ra sao với việc được người đời tán thành. Họ không lưu tâm gì đến lời tán tụng của kẻ khác. Họ không bận tâm đến việc phải tỏ ra mình là người hiểu biết, hợp thời, hợp mốt.

Ngôi gọn lỏn trong cái an ổn của Thánh Nhan Chúa, người cầu nguyện hạ mọi pháo đài tự vệ xuống; họ cho thế giới thấy Thánh Nhan Chúa là nơi an toàn nhất bởi nó là nơi dễ vươn tới nhất trong vũ trụ này.

Những người không lời lãi

Trong một thế giới bị thống trị bởi sản xuất và lời lãi, một số người đã tự ý chọn không sinh lời. Trong khi phần lớn con người ta lo lắng đến rủi ro và biên tế thu hoạch, thì những người không lời lãi này lại vui vẻ vì bị coi là không sản xuất. Họ chấp nhận sự vô dụng của mình trong khi người khác coi mình như tối cần cho thế gian.

Ta tìm thấy thánh quan thầy của họ trong Phúc âm. Người đàn bà súc dầu thơm cho Chúa tại Bê-tha-ni. Phúc âm không ghi lại tên cũng như lời đàm thoại của bà. Những người có mặt hôm đó tỏ ra bất mãn khi bà đập bể bình dầu thơm đắt tiền và đổ hết số dầu thơm ấy lên đầu Chúa Giêsu. Họ lưu tâm đến giá cả và kết án hành vi phí phạm, làm như thể họ muốn đứng về phía người nghèo. Nhưng Chúa Giêsu lại bênh vực người đàn bà. Ngài nói, ‘đó là một nghĩa cử đẹp đối với tôi, và vì vậy, người ta sẽ mãi mãi nhớ đến bà’.

Chúa Giêsu hân hoan với cái hành vi phi lý ấy. Ngài ca ngợi lòng quảng đại của người đàn bà và chấp nhận tặng phẩm của nàng. Ngài trân quý giá trị của những ai không biết khéo léo tính toán. Thế giới sẽ nghèo nàn xiết bao nếu những người như thế không hiện diện.

Ca ngợi Chúa

‘Miriam lấy trống, mọi phụ nữ theo bà đi ra, đánh trống, nhảy múa và hát lên rằng: Hãy hát mừng Đức Chúa, Đấng đã chiến thắng về vang’ (Xh 15:20).

Mọi người đều nghĩ đến những điều tối cần để sống sót trong sa mạc. Trừu và bò, vàng và bạc, quần áo giấy giép. Lưng họ còng dưới gánh nặng của những điều cần thiết. Chỉ có Miriam, cái cô gái vô tâm vô ưu đó, là nhớ mang theo mình nhạc khí. Cái cô gái đầu óc trên mây đó có lẽ đã làm cả một danh sách những vật dụng vô ích, không chịu để chúng lại Ai Cập nhưng kéo chúng theo cô vào sa mạc.

Những nhà hiện thực chủ nghĩa bao giờ cũng nhất quyết ra đi nhẹ nhàng khi vào sa mạc, chỉ mang theo mình một chút tối thiểu. Tỷ dụ như vàng bạc. Người có óc thực tế hơn, có thể khuyên nên đem theo ít bánh và ít nước. Thế mà Miriam, cái cô gái ngây thơ ấy, lại cho rằng ca hát là điều quan trọng hơn cả trong sa mạc. Dĩ nhiên là cô ấy đúng. Bởi trực giác cho cô hay trong cuộc hành trình của họ có nhiều lúc cần phải tạ ơn. Và thực vậy, ngay sau cuộc vượt qua Biển Đỏ lạ lùng, những vật dụng vô ích và kèn cồng như trống phách quả đã trở nên tiện dụng vô cùng.

Trong sa mạc, điều quan trọng hiển nhiên là đừng chắt chõng những đồ vật dư thừa phù phiếm. Và người ta cần phải can đảm nhiều trong việc tự giới hạn cho mình những sự vật thật cần thiết mà thôi. Nhưng ca khúc ngợi khen phải là món cần thiết trong những món cần thiết nhất.

Cho nên khi kẻ thù đã ở dưới gót chân, bạn hãy cầm lấy trống để ca ngợi Chúa. Khi miệng bạn khát khô cả họng và cơ thể kiệt lực vì nóng, bạn sẽ tự cứu bạn không phải nhờ bảo tồn năng lượng nhưng dùng nó mà ca múa ngợi khen Chúa. Các thầy rab-bai Do thái nói đến hoa trái của môi miệng biết ca tụng Danh Chúa. Những hoa trái này là của lễ đẹp lòng dâng cho Chúa; nhưng đồng thời chúng cũng là chất nuôi dưỡng chính người dâng.

Trong sa mạc, bạn có thể thiếu mọi sự, nhưng bạn đừng bao giờ quên hát bài ca ngợi Chúa. Và đó không phải chỉ là vấn đề tạ ơn Chúa vì Ngài đã làm phép lạ. Thực vậy, vì ca ngợi có thể đi trước cả phép lạ, hầu như khiến cho phép lạ xảy ra.

‘Này con xin đàn hát xướng ca.
Thức dậy đi hồn tôi hỡi,
thức dậy đi, hỡi đàn sắt đàn cầm,
tôi còn đánh thức cả bình minh’ (Tv 57: 9).

Tôi luôn luôn xúc động về những bài cầu nguyện được các đan sĩ hát vào lúc đêm khuya. Khi đã đánh thức tâm hồn mình, các đan sĩ âu yếm đánh thức bình minh, mời gọi ngày đi vào hiện hữu. Cũng như các đan sĩ và Miriam, tôi cũng phải học để tỉnh thức trong đêm đen, để ca ngợi Chúa với đàn với trống.

Lời hằng sống

Tôi đã phạm một số rất lớn các lầm lỗi trong đời sống thiêng liêng vì tôi bị ám ảnh bởi việc phải đạt thành tích. Cứ thế, không bài giảng nào lại không có kết luận thực tế. Không bài suy niệm nào lại không có quyết tâm. Không một trang nào mà không có áp dụng cụ thể. Tiếp theo đó là hàng loạt các giả định: một hành động tốt phải có hiệu quả tức khắc; một công việc đã được đảm nhiệm là phải đưa lại những kết quả trông thấy; một sứ mệnh nào đó phải thực hiện được mục tiêu đã tuyên bố. Những giả định này đưa lại hai hậu quả tiêu cực: nản lòng khi sự việc không xuôi xẻ và tạo nên chiếc khung trong đó không có chỗ cho Chúa Thánh Thần hành động.

Qua thực có những ‘Tập chỉ dẫn để sống tốt’ và những ‘dự án canh tân’ làm ta đọc đến phát sợ. Những tập chỉ dẫn ấy đưa ra những công thức rất sáng giá, những định nghĩa rất chính xác và những kết luận có kiểm chứng. Chẳng khác chi những thảo chương điện toán cho đời sống thiêng liêng. Nhưng tôi nghĩ không còn chi lạ lẫm đối với Lời Hằng Sống của Phúc âm hơn thế. Bất hạnh thay (hay là may mắn thay), các thảo chương trên giấy ấy không bao giờ sản sinh ra sự sống cả. Thảo chương không tạo ra những con người. Chỉ có Lời mới ban được sự sống. Nhưng phải để Lời hành động trong thinh lặng và bí mật.

Trong sa mạc, bạn khám phá ra các sức mạnh đang làm việc dưới lòng đất. Tìm về gốc rễ, những hi sinh không tên tích lũy thành kết quả, những thất bại tích tụ thành sức mạnh, những còi cọc nay bỗng trở bông. Bạn ngắm giọt nước mưa rơi xuống mảnh đất cháy khô. Nó biến mất ngay tức khắc. Nhưng bạn biết cái mặt đất khô cằn kia đã được chọc thủng và một tia sống được phát sinh ngay trong căn lều của thần chết.

Sa mạc đòi bạn phải chọn giữa cái mặt đất bên trên và cái mặt đất bên dưới. Bạn thích dựa vào các kế hoạch có bảo đảm hay thích sống trong hy vọng hơn? Nhưng bạn nên nhớ rằng không thể đưa ra con số thống kê nào trong sa mạc. Bạn phải trông vào những gì không được ghi chép. Điều nhận thức này đã đến với tôi khi tôi đứng trước mộ của Charles de Foucauld, một cái chảm lẻ loi giữa cảnh hoang đại lộng gió của sa mạc.

Cho nên xin bạn cho phép tôi được nói như thế này: không bao giờ bạn nên vội vàng muốn có kết quả ngay. Hãy để cho Lời có đủ thời giờ tạo được nơi cư trú ở trong bạn. Đừng cố gắng rút gọn Lời ấy vào các phạm trù của những áp dụng thực tế. Đừng lái nhài hỏi hoài, ‘Từ nó, tôi sẽ được chi?’ Vội vã và xách nhiều Lời sẽ ‘phá thai’ nó. Cho nên đừng áp đặt lên nó cái tốc độ và hạn chót của bạn cũng như những nhu cầu của lúc này. Nhưng rồi có lẽ, chính lúc bạn quên nó hoặc muốn vất bỏ nó đi như đồ vô dụng, Lời sẽ trở bông trên mảnh đất đầy sỏi đá.

Ba vấn nạn

Một buổi sáng, đang đứng trên đụn cát, tôi bỗng bị ba vấn nạn tấn công thật bất ngờ, và tôi không còn đường nào khác hơn là đối diện thẳng với chúng. Nhìn từ những đụn cát cao, chúng dẫn đến những lối giải thích rất lạ.

Vấn nạn đầu tiên liên quan đến vấn đề hiệp thông. Tôi tự hỏi liệu một số cộng đoàn thiếu thông đạt có phải chỉ bởi vì họ nói nhiều mà nghe thì thật ít hay không. Thinh lặng dường như ít được đánh giá như là phương tiện để thông đạt. Cái ảo tưởng thông thường là chỉ cần lừa người ta vào một căn lều hay một căn phòng với nhau, là lập tức có sự hiệp thông giữa các tâm hồn. Hình như không một ai chịu nghĩ rằng người ta chỉ thực sự đi vào hiệp thông với nhau khi họ có được một mức độ cách khoảng, một không gian và một chút cô tịch đáng kể nào đó. Như thế thì chiều sâu mới là căn bản của bất cứ sự hiệp thông chân chính nào.

Vấn nạn thứ hai là vấn đề thành tựu bản thân. Tôi có cảm tưởng rằng một vài hình thức thành tựu bản thân đã bị thúc đẩy bởi lòng vị kỉ. Điều ấy dường như đặc biệt được kiểm chứng khi bản thân ta vươn tới người khác qua các mối liên hệ xã hội và bản thân. Nói cách khác, người khác được sử dụng như phương tiện để ta đạt được sự thể hiện bản thân kia. Đầu tư vào bác ái, vào lòng tốt và đại lượng với mỗi hy vọng sẽ tìm được sự thành tựu đầy đủ trong đời. Nhưng sa mạc dạy ta rằng cách tốt nhất thực thi tình yêu đồng loại là tự bỏ mình đi chứ không phải tự thể hiện bản thân mình. Vì nếu bạn quá bị ám ảnh với việc tăng tiến nhân cách riêng của mình, bạn chẳng còn bao nhiêu thì giờ dành cho các nhu cầu của người khác nữa. Còn nếu bạn hạ các hàng rào phòng ngự bản ngã xuống, bạn sẽ thấy việc hiến thân phục vụ người khác trở nên dễ dàng hơn nhiều.

Vấn nạn thứ ba là vấn đề suy niệm. Tôi từng được người khác dạy coi việc suy niệm như một thuật tích lũy ý tưởng và lên khuôn các ý nghĩ. Trong khi đó, sa mạc cho tôi thấy đối tượng thực sự của suy niệm là loại bỏ mọi ý nghĩ. Mục đích của suy niệm là để làm cho tôi bất ngờ đón nhận đáng bất ngờ, đó là Chúa.

ÁNH SÁNG TỪ BÓNG TỐI

Ánh sáng từ ánh sáng mà ra, điều này đã gần như một định đề. Nhưng đó lại là một ảo ảnh nữa mà sa mạc sẽ đập đổ tan tành không thương xót.

Chúa thường cầm giữ ánh sáng ân phúc khỏi những kẻ yêu Ngài. ‘Ngài bỏ rơi họ giữa đêm đen. Và đêm đen trở thành ánh sáng. Ánh sáng thực chiếu soi bóng tối. Điều quan trọng là phải làm quen với ý nghĩ đó. Đầu tiên, điều ấy rất kinh hoàng. Bởi ánh sáng há không phải là phản đề của bóng tối đó ư? Ấy thế nhưng từ từ ngày lên hừng đông’ (1).

Ánh sáng soi sáng người công chính trong bóng tối (Tv 112:4). Nhưng dường như ánh sáng bị chôn vùi trong màn đêm quá lâu. Ta muốn nó phải có ngay lập tức và có liên tục. Ta khó chấp nhận được ý niệm cho rằng ánh sáng đã được ươm trong đêm đen. Và ta không biết nó sẽ chiếu ra từ đâu và chiếu ra khi nào. Cái khó khăn của ta phát sinh do việc ta chưa đi sâu đủ vào trong đêm tối. Sự thật là sẽ chỉ có ánh sáng khi ta biết cầu xin đêm đen cho tâm hồn.

(1) Dom A. Guillerand, *Le Silence cartusien*, Desclée de Brouwer, 1976, p.45.

Hãy có bóng tối

Kinh nghiệm cầu nguyện trong sa mạc cho thấy điều ta thường coi là ánh sáng thực ra là ánh sáng của ta, chứ không phải của Chúa. Sa mạc đòi ta phải tắt cái ngọn lửa mờ nhạt của ta đi. Rồi khi cái ánh sáng của con người không còn nữa, mắt ta sẽ quen với vẻ chói lọi trong ánh sáng của Chúa. Như thế, bóng tối là đòi hỏi tiên quyết để ta có thể nhìn thấy. Và nếu như thế, quả là vô ích nếu ta cứ cố dùng ánh sáng của ta để thấy ánh sáng của Chúa. Chúng ta quá sẵn sàng kêu lớn, ‘Lạy Chúa, xin cho con được thấy!’ Nhưng ít ai trong chúng ta chịu sẵn sàng tiếp nhận ơn được nhìn thấy qua diễn trình khổ đau của việc phải trở nên mù trước đã.

Quả là thích thú khi đọc thấy trong Phúc Âm rằng chính người mù xem ra lại thấy nhiều hơn cả. Những người có con mắt bình thường lại chẳng thấy chi hết. Chúa Giêsu nói, ‘Tôi đến thế gian để những ai mù lòa được thấy còn những ai đang thấy sẽ trở nên mù lòa’ (Ga 9:39). Cho nên, ánh sáng là một khả năng ban cho những ai biết sẵn sàng tiếp nhận đêm đen. ‘Bàn tay Chúa giáng xuống trên người, người sẽ bị mù’ (Cv 13:11). Đó không phải là hình phạt, mà là khởi đầu công cuộc cứu chữa.

Phía bên kia các giác quan

‘Hãy làm cho lòng dân này ra đàn độn, cho tai nó điếc, cho mắt nó mù để chúng không hiểu, không nghe, không thấy’ (Is 6:10).

Quả là lạ. Chúa ủy thác cho tiên tri một sứ mệnh. Đó là khiến cho dân ra mù, điếc và câm. Dĩ nhiên điều Chúa đòi hỏi là ngưng sự vận hành của các giác quan. Trước mặt Chúa, các giác quan của ta phải ngưng hoạt động. Vì khi Chúa nói với ta, Ngài mong ta phải hiểu, phải nghe và phải thấy một cách khác. Rất nhiều khi ta chỉ dựa vào tài khéo léo của mình mà chuyện trò với Chúa. Những lúc như thế, Chúa không có gì để nói với ta cả. Do đó, cần phải đi xa hơn các giác quan của ta, đi quá bên kia các giác quan của mình. Chỉ như thế ta mới bắt đầu hiểu được sứ điệp của Chúa.

Đức tin là biểu thức lớn nhất của phía bên kia các giác quan. Đó cũng là điểm để ta gặp và tiếp nhận mâu nhiệm. Lúc ấy ta mới thực sự sẵn sàng tiếp nhận mạc khải Chúa.

Đêm tối của linh hồn

Một nhà huyền học Hồi giáo từng nói đến ‘sa mạc của bối rối hoang mang’. Ông ta có ý dùng ẩn dụ để diễn tả sự vật. Một nhà du lịch lạc đường; ông ta không có ngựa cũng không có lương thực; ông ta cố gắng vô ích tự định lấy hướng. Ông ta quả đang mất hút trong cái sa mạc hoang mang bối rối.

Đối với nhà huyền học, sa mạc hoang mang bối rối chính là đêm đen của linh hồn. Bạn bị gọng kìm của sợ hãi, của lo âu và thất vọng xiết chặt. Bạn không còn biết bạn đang ở đâu. Bạn tự hỏi không biết bạn đang gần lại Chúa hơn hay xa Chúa thêm ra. Bạn thắc mắc không biết bạn đang tiến bước hay đang đung đầu vào bức tường gạch. Bạn không biết bạn đang cầu nguyện hay đang phí thì giờ vô ích. Bạn không có ý niệm nào về việc liệu bạn đã tìm ra được đường đi hay đang luẩn quẩn trong một vòng tròn không lối thoát. Liệu bạn có tìm thấy điều bạn đang đi tìm hay đó chỉ là một tìm kiếm vô nghĩa?

Ấy thế nhưng, hơn bất cứ lúc nào khác, dù bị lạc và thất vọng, bạn vẫn là đối tượng của tình yêu và lòng xót thương của Chúa.

Yêu chúa và yêu người lân cận

Đôi khi điều hiển nhiên lại ít hiển nhiên nhất. Những sự vật đang sờ sờ trước mắt ta nhưng ta lại không chú ý chút nào. Trong câu nguyện, điều nghịch lý tương tự như thế vẫn thường xảy ra. Ở lâu trong thế giới vô hình, mắt ta lại trở nên quen thuộc đối với những sự vật của thế giới hữu hình. Điều ấy có nghĩa là, chính vì quá quen thuộc với thế giới chiêm niệm, mà người cầu nguyện lại đã biết những chuyện trần đời rõ hơn. Hơn nữa, kinh nghiệm của họ về Chúa không những là một dự cảm về cuộc sống đời sau nhưng cũng là một khám phá về cuộc sống đời này. Đó chính là lý do tại sao nhà chiêm niệm chân chính chỉ ước ao một mình Chúa mà thôi. Vì chính trong Chúa, họ yêu mến anh em, yêu mến người lân cận và yêu mến kẻ thù của mình.

Như thế, nhà huyền học không sợ phải chiêm ngắm cái ánh sáng chói lòa của Chúa hiển linh để có thể nhìn ra những thực tại ngõ ngách của thế giới. Họ không phải là những người ái mộ khó tính cái đẹp của thiên đàng; họ sẵn sàng đối diện một cách ý thức bất cứ những gì là xấu xa, dị hợm và bất công trên cái cõi đời ô trọc này.

Cho nên nếu bạn vào sa mạc để xa lánh những con người đáng khiếp và bất cứ vấn đề gì khó chịu trong đời, thì quả là bạn đã lãng phí thì giờ. Bạn nên vào sa mạc để đối diện với chính con người của bạn. Vì thực ra người ta vào sa mạc là để thấy nhiều hơn và rõ hơn. Người ta vào sa mạc đặc biệt là để nhìn gần hơn vào các sự vật và con người họ không muốn nhìn đến, để đương đầu với những hoàn cảnh họ muốn tránh né, để giải đáp những vấn nạn họ muốn quên đi.

Nhà chiêm niệm nhận ra rằng cách tốt nhất để ‘thấy’ người anh em đang đứng bên mình hoặc đang dẫm lên ngón chân mình hay đang thúc cùi chỏ vào mạng sườn mình trên xe buýt là trước hết phải đi tìm Chúa là đáng họ không trông thấy. Họ không đi từ thực tại trần gian để vào thực tại thiên đàng. Họ làm ngược lại. Từ vô hình đến hữu hình. Từ Chúa đến con người.

Cho nên nếu bạn thấy bạn khó mà yêu được người bên cạnh, thì đó là dấu chỉ chắc chắn bạn chưa yêu Chúa đủ.

Tôi luôn thấy ám lòng khi được thấy một người đang cầu nguyện. Những lúc như thế tôi không bao giờ dám quấy rầy họ. Vì tôi biết rằng dù say sưa mất hút trong cầu nguyện, họ không bao giờ ngưng nhìn

thấy tôi. Chính những người tối ngày lằng xằng bận bịu khắp nơi mới là người tôi hoài nghi. Họ vỗ vai tôi, khen tôi ăn vận bánh bao, xác quyết rằng tôi là bức tranh hoàn mỹ của sức khỏe. Thật ra họ không thể dành nhiều thì giờ cho tôi: vì xem ra họ dành cho Chúa rất ít thì giờ.

CHỜ ĐỢI ĐỂ VÀO SA MẠC

Ở ngưỡng cửa vào sa mạc, từ ngữ đầu tiên người ta nói với tôi là: Chờ. Và tôi mau chóng hiểu ra rằng mình phải bỏ chân ra khỏi bộ tăng tốc độ (accelerator). Vội vàng là vô ích, phản đối và la ó vì sợ mình đến trễ không tìm ra chỗ ngủ ở ốc đảo đều vô hiệu.

Chờ.

Bạn phải chờ thôi. Người ta có thể trả sỏ thông hành lại cho bạn trong 10 giây, hoặc trong hai giờ, hoặc trong một ngày, hoặc có thể là ngày mai. Và nếu gặp phải ngày Thứ Sáu, ngày lễ thánh của Hồi giáo, thì chắc bạn không còn lựa chọn nào khác hơn là đặt chương trình của bạn dưới nhu cầu tôn giáo của người khác. Chờ.

Tôi đã nghe người ta lặp đi lặp lại chữ đó hàng trăm lần. Ở sở cảnh sát. Ở khách sạn. Ngay cả các anh điều khiển lạc đà cũng có thể bảo tôi phải chờ nếu tôi hỏi tin tức.

Trong sa mạc, điều khẩn trương hơn cả là phải chờ đợi. Người ta không làm bất cứ điều gì cho bạn ngay tức khắc đâu. Không điều gì đúng giờ hết: có nghĩa là không đúng như thì giờ bạn đã ấn định. Bạn chỉ có mỗi một năng quyền tức khắc đó là chờ đợi. Bạn sẽ không được vào sa mạc nếu bạn không chịu chờ đợi.

Tôi đã bỏ không còn đeo đồng hồ tay nữa. Nó đã trở thành dụng cụ khổ hình cho những người như tôi với não trạng Phương Tây. Tôi cũng quyết định sẽ không còn chuyện tuân theo kế hoạch hoặc thời biểu du hành nữa.

Bước đầu tiên trong khóa tu đức mà sa mạc sẽ dạy cho bạn là sự thanh tẩy khỏi vội vàng, vọng động, thiếu nhẫn nại, thúc ép. Trong sa mạc, bạn sẽ phải loại bỏ cái mặc cảm ‘làm chủ tình hình’. Bạn phải thấy mình nhỏ bé, vô nghĩa, bị ép chặt vào cái ghế dài chờ đợi. Không ai thèm để ý đến các nhu cầu của bạn. Tên tuổi bạn chẳng gây được chút ảnh hưởng đối với ai. Những hện hò khẩn cấp của bạn trở thành vô nghĩa. Và cứ thế, thế giới tiếp tục diễn tiến chẳng cần gì đến sự vội vã đứt hơi của bạn.

Bạn được việc hay không không phải nhờ đấm đá nhưng nhờ chứng tỏ có được một đức tính rất được sa mạc nể vì: đức tính biết chờ đợi. Ở sa mạc, bạn bước vào một bình diện khác của thời gian nơi kim đồng hồ được thay thế bằng đức kiên nhẫn và sự điềm tĩnh. Các cơ năng của bạn phải thích ứng không những với cán cân thời gian khác, mà còn với nhịp độ khác và cán cân giá trị khác nữa. Và nếu không thích ứng được, chắc chắn bạn sẽ rơi vào cái nguy khủng hoảng thần kinh. Ngược lại, nếu bạn đi vào được cái chiều kích mới này của thời gian, bạn sẽ cảm thấy thanh thản thật bất ngờ, và từ đó một cảm thức chưa từng có về tự do, cũng như khả năng đầy ngạc nhiên nhận ra các điều kỳ diệu.

Sa mạc không xử tốt đối với những người muốn đối phó với nó một cách chớp nhoáng đến gãy cổ, buộc nó vào các kế hoạch và hạn chót của mình. Chẳng mấy chốc nó sẽ trả thù và đòi họ phải trả giá

đất cho các giả định của họ. Ngược lại, sa mạc sẽ chào đón những ai biết cởi bỏ những chiếc giày vận tốc và cuộc bộ chậm rãi bằng đôi bàn chân trần, mặc tình cho cát bỏng mon tron và thiêu đốt .

Nếu bạn không có cao vọng chiến thắng sa mạc, nếu bạn không nghĩ bạn đang giữ vai chủ động, nếu bạn biết thanh thản chờ đợi người ta làm công chuyện cho bạn, thì sa mạc sẽ không coi bạn như người xâm nhập nữa và sẽ tự vén mở các bí mật của nó cho bạn.

Chờ. Bạn nên tỏ cho người khác thấy bạn đã thay thế nỗi lảng lo phải tới nơi bằng khả năng biết chờ đợi. Đó là bí quyết để có được tờ chiếu khán nhập cảnh.

Lời cầu nguyện khi chờ đợi

Tôi cũng tự lập ra cách chia động từ Chờ. Đó là bài làm khó khăn nhất. Bài tập này được bắt đầu ngay ngày đầu tiên, tại Beni Abbas. Bạn khởi hành thật sớm, ngay sáng tinh sương, với ổ bánh mì kẹp nách và một bình nước vắt ngang vai. Phải mất non giờ đồng hồ mới tới những đụn cát tại Grand Erg.

Nói bao giờ cũng dễ hơn làm. Hãy tưởng tượng cả ngày bên đụn cát, bị gió tạt, nắng hun, ruồi hành hạ mà không có lấy một cuốn sách hoặc một người bạn cho tiêu thì giờ. Đầu óc tôi ra rỗng tuếch. Phải làm gì đây? Chẳng làm được gì. Còn làm gì được ngoại trừ chờ.

Trước khi tôi lên đường, Thầy Ermete đã nói đi nói lại rằng: Cầu nguyện là một trạng thái chờ đợi. Thế là tôi đành chờ, chờ như một phiến đá. Khô lóc, dửng dưng, mặc cho nắng đốt gió đưa. Tôi không cảm nghiệm được gì ngoại trừ cảm thức buồn nôn. Tôi nghĩ mình điên lên mất. Thời gian sao trôi đi chậm đến thế. Hình như nó chẳng chịu trôi đi nữa rồi. Nó như đang vắt vẻo trên vai tôi, đè nặng lên tôi, hành hạ tôi.

Tôi thấy mọi quyết định của tôi đều sai lầm. Liệu có đáng phải đi cả 4000 dặm để mà chịu đựng cái nghèo, cái sững sờ, cái tê liệt cùng cực này chẳng? Đến cầu nguyện, tôi làm cũng chẳng được. Tại sao tôi lại phí phạm thì giờ như thế này? Tôi còn ở lại chẳng qua vì tự ái. Làm sao mà thú nhận công khai được rằng tất cả chỉ là lỗi lầm tổ bố?

Rồi, ngày ngày qua đi, dần dần tôi cảm thấy một chút thanh thản. Một sự lắng đọng bất thường dường như đang chiếm hữu nội tâm tôi. Nhưng điều đó không có nghĩa là tôi đã có được những cái nhìn hoặc những niềm ủi an vững dạ. Cảm nhận mình chưa làm gì được vẫn còn đó, hành hạ tôi không thôi.

Tuy thế, tôi biết một cái gì đó đang xảy đến với tôi, mặc dù tôi không biết chính xác nó là cái gì. Một cái gì đó không diễn tả và giải thích được. Nhưng nó không phải chỉ là cảm giác. Nó là niềm xác tín rằng một sự quân bình nào đó đang được thiết dựng trong tôi. Một cách thế khác để nhìn nhận sự vật.

Dường như lời cầu nguyện của bất lực đang chuẩn bị để tôi đón nhận những giây phút yếu đuối nhất khi, bị tước mất mọi sự, tôi sẽ mở lòng ra cho một sức mạnh vô danh nào đó ùa vào xâm chiếm. Đồ cho thật hết cái bản ngã của mình trong hành vi chờ đợi. Tháo gỡ hết các vòng rào phòng thủ. Gọi hết lính canh trở về. San bằng hết các tiền đồn quan sát.

Vắt vẻo trên đụn cát, tôi không còn thắc mắc mình đã đi được bao xa. Đàng khác, tính toán quả là buồn cười. Đàng nào thì cũng đã bị kẹt cứng ở đây rồi. Tuy nhiên, hành vi chờ không phải là một cử

chỉ trông rỗng. Về phương diện chiều tự, nó có nghĩa là đợi mong (attend), hướng về, vươn tới. Nó là thái độ năng động của yêu thương và hy vọng. Và ta chỉ có thể chờ đợi và cầu nguyện trong một thời gian dài nếu ta hy vọng một điều gì hoặc Một Người đặc biệt nào đó.

Hãy ở yên đó. Đừng rẩy bỏ dải cát vàng của bạn. Hãy chịu đựng cơn nóng bên ngoài và cơn lạnh bên trong. Hãy chấp nhận cái buồn chán của việc vô công rồi nghề và cái trống rỗng của việc chẳng làm nên trò trống chi. Đừng hỏi bạn đã làm được gì. Điều làm được chẳng có chi quan trọng. Hãy hiểu ra rằng điều phi thường nhất bạn có thể làm là qua cái thì giờ chẳng bao giờ chịu qua. Hy vọng có thể làm thì giờ qua đi. Thực tế, hy vọng chính là chiều kích thực sự của thời gian. Thời gian cũng là một yếu tố trong cuộc xuất hành của ta thoát ách nô lệ của vội vã để tiến vào đất hứa của hy vọng.

Và đây mới là phạm vi của lời cầu nguyện trong khi đợi: loại khỏi thời gian mọi chất chông bừa bãi, vọng động, bất kiên nhẫn và đồ đầy nó bằng đợi chờ.

Cầu nguyện, một mối nguy

Đọc theo đường vào sa mạc, người ta thường thấy một tấm bảng kỳ lạ bên đường viết bằng tiếng Pháp và tiếng Ả Rập: ‘Coi chừng nguy hiểm! Cát’.

Những bờ cát trắng băng chạy dọc theo hai bên con lộ. Quan bạn đâu cũng thấy những cồn cát, trông như mặt biển im gió, chỉ thỉnh thoảng mới được những cơn gió nhẹ làm lăn tăn và được điểm xuất bằng những đụn cát quen thuộc xuất hiện đều đặn đó đây. Chúng tôi nói đùa với nhau khi tưởng tượng ra những hàng tin lớn trên báo chí như ‘Tai nạn lưu thông khủng khiếp trong Sahara. Xe bị Các Hạt Cát đung và lật nhào!’ Sự nghịch lý quả rõ rệt. Đã quen với những con lộ trong các vùng núi của ta với các tấm bảng như ‘Coi chừng nguy hiểm! Núi Lở’ hoặc ‘Coi chừng nguy hiểm! Đá rơi’, nên quả là khó tin một bảng hiệu như ‘Coi chừng nguy hiểm! Cát’.

Nhưng nụ cười của chúng tôi bỗng biến dạng dọc theo quãng đường 170 dặm giữa Guardaia và El Golea. Bầu trời trĩu mây đe dọa không phải để đổ xuống từng thác nước mưa như chúng tôi nghĩ. Cơn gió đầu ủa tới bất ngờ tấn công chiếc xe của chúng tôi. Làm thế nào để còn tiếp tục có mặt trên con xa lộ vẫn còn là điều lạ lùng. Gió theo đuổi chúng tôi như để trả thù, hất những đồng cát chết người vào chúng tôi, kính xe nứt rạn như bị mưa đá tấn công. Tôi giữ vững tay lái để tử thủ và cố gắng giữ cho xe thăng bằng vì nó đang bị đẩy đi mọi hướng như chiếc lá khô. Y như đi trượt băng. Trước mặt bạn là bức tường tối thui không thể vượt qua được. Hai bên đường cũng thế. Không tài nào định hướng nổi. Cũng không thể dừng lại được. Dừng lại là lập tức bị xe dầu cán nát và những đụn cát di chuyển chôn sống. Phải tiến bước như người mù, tìm đường ra khỏi cảnh tận thế này và đương đầu với cơn giận dữ của biển cát.

Bạn có cảm giác như sa mạc nổi giận chống sự xâm nhập của bạn, nó tát mặt bạn để kết tội, và sẽ không để bạn thoát chết.

Nhưng cuối cùng bạn cũng sẽ dừng xe. Chân tay còn run rẩy. Bạn thất vọng nhìn chung quanh. Mọi sự đã thay đổi. Đây một đụn cát mà đáng lẽ ra không nên có. Đụn cát ở kia trước cơn giông bão đã bị san bằng hoặc biến mất.

Cả ở đây nữa, sa mạc cũng là thầy dạy. Nó minh họa cho ta thấy những nguy hiểm đe dọa cầu nguyện. Bạn hy vọng bước đi an lành qua cánh đồng cầu nguyện. Có những chỗ dừng chân thích thú. Bạn chiêm ngưỡng những cảnh trí thiêng liêng làm bạn tràn ngập an bình. Lộ trình của bạn quả đã

được hoạch định tốt. Ít người đã đi vào vùng đất lạ này, nhưng bạn đã cẩn thận đặt để những điểm qui chiếu chính xác. Mặt khác, còn có căn trại làm căn cứ đón bạn trở lại với khung cảnh quen thuộc.

Hiển nhiên bạn coi thường tấm bảng báo ‘Coi chừng nguy hiểm! Cầu nguyện’. Ngay khi rời khỏi sự an toàn của ốc đảo, bạn sẽ rơi vào giữa cơn giông. Cầu nguyện không tha bạn đâu. Thực ra, bạn đâu có thả bộ vào cơn giông. Chính sự cầu nguyện đã tàn bạo chặn ngang đường bạn đi, làm bạn điên đảo, xô đẩy bạn, làm bạn lạc hướng. Bạn nên hiểu ra rằng bạn không còn giữ được tay lái chiếc xe của bạn nữa. Sự sống của bạn giờ đây nằm trong tay một sức mạnh mà bạn không làm sao cưỡng chống lại được. Việc cầu nguyện tàn phá các kế hoạch của bạn, đảo ngược các lộ trình bạn đi, đem hỗn độn vào cuộc sống vốn trật tự của bạn, phá đổ mọi sắp xếp của bạn và triệt hạ cả căn trại căn cứ của bạn nữa.

Cho nên, để khởi đầu, xin thưa ngay cầu nguyện là rối loạn, là choáng váng, là bỏ rơi. Bạn đánh mất cả các điểm qui chiếu quen thuộc. Bạn chẳng còn biết điều gì nữa hết. (Thánh Gioan Thánh Giá quen nói: ‘Tôi không còn biết tôi đã biết gì’.) Bạn sẽ không còn hiểu chi nữa. Thực sự là bạn mất hướng. Những bản đồ hướng dẫn do các bậc thầy lỗi lạc về linh đạo cung cấp đều tỏ ra vô ích.

Sự cầu nguyện biến tất cả những kiến thức trước đây của bạn thành vô hiệu, chất vắn các kinh nghiệm của bạn tận gốc, và chế nhạo tất cả mọi sách vở trước đây bạn vẫn cho là không thể thiếu được.

Sau kinh nghiệm cầu nguyện, bạn nhận ra rằng chẳng còn gì giống như lúc trước nữa. Mọi sự đều đảo ngược lộn đầu. Bạn phải chấp nhận giáp mặt với một thực tại mới. Bạn buộc phải tìm ra thế quân bình mới.

Nếu trước đây bạn khiếp sợ vì bị lạc đường thì nay bạn còn phải khiếp sợ hơn nữa, vì đường đã bị bít kín. Không, việc cầu nguyện không chỉ cho bạn đường đi. Nó buộc bạn phải phát minh ra đường đi ấy. Cho nên khuyên bạn nên đảm bảo cho nơi cầu nguyện có được tấm bảng báo hiệu ‘Coi chừng nguy hiểm! Cầu nguyện’

CỘNG TÁC VỚI CHÚA

Theo sách Midras, hình như Chúa đã tham khảo ý kiến các thiên thần về việc dựng nên loài người. Các Thiên Thần Tình Yêu hoàn toàn ủng hộ dự án ấy. Các vị này cho hay vì con người có khả năng yêu thương, nên dựng nên họ là một điều hay. Các Thiên Thần Sự Thật thì hoàn toàn chống lại ý tưởng ấy. Các vị biện luận rằng vì con người là giống hay nói láo và giả dối nên nó sẽ mang lộn xộn vào thế gian. Các Thiên Thần Công Bình thì trái lại lại ủng hộ việc dựng nên con người vì con người rất ái mộ sự công bình và có thể sẽ thực hiện được sự công bình ấy. Nhưng các Thiên Thần Hòa Bình thì bất đồng ý kiến. Các vị sợ con người sẽ trở thành tạo vật ưa cãi lộn, gieo rắc bất hòa và gây chiến khắp mặt địa cầu.

Như vậy là hai phiếu thuận hai phiếu chống. Một cuộc tranh luận gay gắt xảy ra giữa các thiên thần. Chán ngấy cuộc tranh luận ấy của các thiên thần, Chúa tư lự bỏ đi. Khi Ngài trở lại, các cố vấn của Ngài vẫn chưa đạt được thỏa thuận nào. Ngài im lặng chờ đợi rồi phán: ‘Thôi khỏi cần tranh luận nữa. Vì Ta đã dựng nên con người rồi. Hấn là A-đam đây’. Như thế Chúa nhận lấy hết trách nhiệm trong việc dựng nên con người.

Tuy nhiên, phân tách đến cùng thì chính tôi phải biện minh sự hiện hữu của mình. Tôi phải chứng tỏ cho Chúa thấy xem Ngài đúng hay sai khi dựng nên tôi. Tôi có nhiệm vụ phải biện minh cho sự rủi ro mà chính Ngài đã gánh lấy. Tôi được kêu gọi phải chứng minh rằng Chúa đúng.

Đến đây quả là thích hợp khi nhắc lại lời giải thích của tư tế Do thái về ngôi thứ nhất số nhiều trong mệnh đề ‘Ta hãy dựng nên con người’ (St 1:26). Rõ ràng đây không phải là kiểu nói của vua chúa cũng không phải có ý nói với các thiên thần. Mà là trực tiếp nói với con người. Như thể Chúa yêu cầu con người góp công vào dự án ấy. Như thế, con người là cộng sự viên trong chính công trình sáng tạo ra mình.

Các ý nghĩ này bỗng xuất hiện đầy ắp tâm tư tôi khi tôi bị kẹt giữa những đụn cát. Khảo sát qua con người mình, tôi không tìm ra một lý lẽ vững chắc nào chứng minh được rằng Chúa đã làm điều đúng khi dựng nên tôi. Tôi không thể chủ trương một cách trung thực được rằng các cố gắng của Ngài đã thành công. Nhưng chuyện ấy có thể có lắm. Trước mặt tôi, là cả một khối lượng khổng lồ những vật liệu xây dựng nguyên thủy.

Marcel Jousse, người đã nói đến một nhân loại học về bụi đất, cũng đã phác họa ra một nền thần học về đất bụi (La Manducation de la Parole, Gallimard, 1975, p.150). Sa mạc là nơi thích hợp để hiểu những lý thuyết như thế. Ở đây tôi phủ phục thờ lạy hết sức dễ dàng như một đan sĩ. Tuy nhiên những động tác ấy không phải chỉ là những cử chỉ khiêm cung, nhìn nhận thân phận mình chẳng là gì khác hơn đất bụi; chúng còn là những cử điệu tượng trưng qua đó tôi múc cát trong tay và dâng lên Chúa để khấn cầu Ngài rằng: ‘Lạy Chúa, đừng để dở dang công việc Chúa đã bắt đầu’ (Tv 137:8).

Cô trình nữ của người ngu dốt

Lời kinh của Lanza del Vasto luôn làm tôi bối rối:

Trình nữ của những nhà tư tưởng, bị ánh sáng dẫn dắt,

Hãy thương hại đôi mắt mỏi mệt của họ,

Đã đuổi theo ảo vọng trên những nẻo đường sỏi đá và những trang sách khô cằn,

Hãy thương hại họ.

Hãy làm rối tung đường và hòa mù tâm tư họ.

Hãy dẫn họ tới ốc đảo ngu dốt sống.

Lạy Bà, hãy làm họ khóc, vâng xin hãy làm họ khóc.

(Thầy Daniel-Ange trích lại trong Les Feux du désert, vol. I, Solitudes, Remy Mangermans, 1973, p.48).

Tôi bị dẫn dắt bởi lời kinh ấy. Tôi sợ thứ ngu dốt sống. Sa mạc chưa dạy tôi biết để sách vở vỡ bụi. Tôi thấy khó mà rời được mắt mình khỏi những trang sách khô cằn và, như Jacques Maritain đã nói, ép lỗ tai mình xuống đất để nghe được âm thanh dẫu ỉn của mùa xuân, của nẩy mầm.

Người ‘cởi mở’

‘Ngài là một linh mục cởi mở...’ Câu ấy có nghĩa là ngài hợp thời, tinh thần phóng khoáng, có khả năng hiểu các vấn đề của thời đại và đưa ra được những giải pháp thỏa đáng. Đôi khi người ta cũng cho là tôi ‘cởi mở’, và điều này làm tôi khá tự mãn. Tuy nhiên sa mạc dạy tôi khám phá ra con người thực sự cởi mở. Họ là người thực hành đức khó nghèo và khiêm tốn thực sự. Người khiêm tốn không nói: ‘tôi là cái thùng rỗng’. Bạn có là cái thùng rỗng hay không, điều ấy chẳng có chi đáng lưu tâm hết.

Vấn đề là cái thùng ấy có niêm ấn, có tự đóng kín hay cởi mở, sẵn sàng đón nhận Chúa. Và người sống khó nghèo là người, trong khi sẵn sàng chịu túng quẫn, lại muốn được Chúa làm cho phong phú.

Cầu nguyện làm tôi ra nghèo theo nghĩa, sau khi đã từ bỏ mọi sự, tôi đã nhận được sự hiện hữu của mình, từng phút từng giây, từ nơi Chúa. Từ bỏ quả tình là giai đoạn trước nhất; tuyệt đỉnh của nó nằm ở chỗ đền bù và phong phú hóa. Nhưng không phải đền bù bằng những sự vật mà ta đã vứt đi: thay vào đó nó phục hồi chính cái chân thân của ta. Ta mất ta đi để tìm lại được mình trong Chúa.

Giờ đây, tôi sáng suốt hơn khi người ta đề cập đến người ‘cởi mở’. Tôi muốn trước nhất cảm chắc là người đó đã từ bỏ cái gì. Vì chỉ từ nơi người đã hoàn toàn đổ hết mọi sự ra khỏi mình, tôi mới hy vọng nhận được mọi sự. Chỉ những ai từ bỏ mọi thứ phù phiếm và kiêu hãnh mới đáng được gọi là người ‘cởi mở’. Như thế, một cách nghịch lý, tôi thích gặp những người muốn sống cuộc sống ẩn dật hơn. Do đó, tôi không đi tìm người biệt phái tự khen ngợi mình nhưng là người thu thuế đứng ‘mở lòng’ trước mặt Chúa.

Cho nên, cầu nguyện có nguy cơ trở thành đối nghịch với cởi mở qua việc lải nhải kể lể đủ thứ tật xấu và nhân đức, vì như thế là quá quan tâm đến chính mình. Ngược lại, người thu thuế không đếm tội mình; anh ta chỉ thú nhận mình là người có tội và như thế tự mở lòng mình ra đón nhận ơn tha thứ của Chúa.

Hãy cười khi cầu nguyện

Trong số những hoa trái do việc cầu nguyện mang lại, tôi thấy có một thứ, theo tôi biết, không được các sách tiêu biểu về cầu nguyện ghi nhận. Đó là tiếng cười. Thịnh thoảng tôi cảm nghiệm được tiếng cười ấy. Nó không phải là giọng cười nhẹ nhàng thánh thiện, nhưng là tiếng cười đúng nghĩa, thỏa thuê. Cầu nguyện giống như một chiếc gương trong đó tôi thấy tôi, nhưng thay vì tấm gương, tôi thấy nó khô hài.

Tôi cười vì tôi coi tôi quá long trọng.
Tôi cười vì tôi tin rằng tôi là cái rồn vũ trụ.
Tôi cười vì tôi nghĩ mọi sự đều tùy thuộc tôi.
Tôi cười vì tôi chẳng nhất quán chút nào.
Tôi cười vì tôi muốn làm cố vấn cho Chúa.
Tôi cười vì tôi lo lắng cho danh thơm tiếng tốt của mình.
Tôi cười vì tôi thấy sự thật về tôi.

May thay, vũ trụ và Nước Thiên Chúa tiếp tục vận hành chẳng cần đến tôi. Tôi không đập bể gương vì tôi thấy trong nó có Ai Đó đang mỉm cười với tôi. Cái mỉm cười ấy mới dịu dàng, mới cảm thông biết bao vì sau cùng Ngài đã thấy tôi cười chính cái nực cười của mình.

Đồng thời, tôi thấy khi mình phá lên cười, thì việc cầu nguyện trở thành vấn đề nghiêm chỉnh trong đời. Chính loại cười này đã quét đi cái sân khấu lờ lợt và tất cả những dàn dựng câu kỳ của đời tôi. Và sau đó, một nền móng vững chắc mới được đặt để, nhờ nụ cười của Ai Đó vốn chờ giây phút này đã lâu.

Vấn đề gốc rễ

Sa mạc là đất của khát. Nơi ấy bạn thấy cái khát thực sự là như thế nào. Người Ả Rập truyền miệng nhau câu cách ngôn sau đây: ‘Lạc đà cho sữa, vợ cho con, Chúa cho nước’. Tuy nhiên, chỉ xin Chúa cho nước thì chưa đủ. Phải xin Ngài trở thành suối nước để làm ta hết khát. ‘Nơi mảnh đất khô cằn, không giọt nước, hồn con khát khao Ngài’ (Tv 63:2).

Người ta vẫn cho rằng trong sa mạc không có nước. Nhưng thực ra, sa mạc có nhiều nước. Nước nằm ẩn đâu đó. Sau các trận mưa, nước thấm vào lòng đất, tự tìm ra những đường thông kẽ thoát ít ai ngờ để chạy trốn cái mặt trời nung người và cái gió bỏng cháy.

Cây cối biết rất rõ sa mạc không thiếu nước. Một số cây gai bụi đẩy rễ sâu xuống cả hàng chục thước. Nhiều loại cây khác lại mọc rễ theo chiều ngang, tạo nên một mạng lưới chằng chịt trải rộng một vùng rộng lớn sẵn sàng thu lượm và tích trữ dù chỉ là một giọt ẩm ướt nhỏ nhít.

Như thế bạn thấy trong sa mạc cái yếu tố sơ đẳng của thoát hiểm mưu sinh. Nơi ấy, nước có đó nhưng không hiển hiện. Khi chết khát vì Chúa, bạn hãy nhớ rằng nước chỉ có, khi bạn chịu vươn tay ra tìm nó. Giống như cây cỏ, vấn đề của bạn chỉ là vấn đề vươn rễ mà thôi.

Rửa tội bằng cát

Khi nước hiếm, người Ả Rập rửa ráy bằng cát. Chính tôi cũng đã khám phá ra rằng cát có yếu tố thanh tẩy. Hay nói đúng hơn, tôi chịu cái tắm tẩy sạch của cát. Giống như một thứ rửa tội bằng cát.

Tôi không chọn cách rửa tội ấy. Nó đã được ban cho tôi cách miễn cưỡng. Cát bay vào mắt tôi, tai tôi, cổ họng tôi. Nó chà sát cổ tôi, chảy thành luống trên lưng tôi và cọ sát chân tôi. Nó chẳng chừa chỗ nào. Tôi có cảm giác như thể được đánh nhẵn bằng giấy nhám. Trong hoàn cảnh ấy, bạn chẳng làm được gì ngoại trừ phải chịu đựng.

Lối rửa tội bằng cát này nhắc tôi nhớ đến lời tiên tri của Malaki: ‘Người sẽ đến phán xử như người luyện kim tẩy bạc. Như thợ vàng thợ bạc, Thần sứ Người sẽ thanh tẩy con cái Lêvi để chúng dâng lên Người lễ hy sinh đúng nghĩa’ (Ml 3:3).

Trong sa mạc, Chúa dùng cát để thanh tẩy. Không ai được miễn trừ. Bạn buộc phải trung thực hoàn toàn với chính mình. Và khi đã được tẩy rửa khỏi mọi lớp khảm cứng, mọi thứ sần sùi, thế giới sẽ thấy bạn trong con người thực của bạn.

Người ta thường nhắc đến nét chân thực trong các trước tác của các Giáo Phụ Sa Mạc. Các Ngài đã coi sa mạc như trường học nghiêm khắc nhất dạy ta sự chân thực. Sivanus quen nói: ‘Khốn thay người mang tên không biện minh được bằng hành động!’ Từ đó cần phải nhổ rễ mọi dối trá. Và ai chịu rửa tội bằng cát sẽ được tái sinh trong Chúa Thánh Thần.

Sa mạc như một thứ chống sân khấu

Các nhà huyền học của Hội Giáo luôn luôn quý chuộng sa mạc như một nơi cổ võ đời sống nội tâm. Cái bao la bát ngát của sa mạc giải thoát con người khỏi cái âu lo muốn được người khác yêu thích và mỗi bận tâm phải sống uốn mình theo xã hội trong lời nói, việc làm và trang sức.

Trong xã hội, không thể lúc nào cũng tránh được phô trương. Nhiều khi ta phải đóng những vai trò tưởng tượng, phóng ra một nhân cách ảo tưởng. Và cuộc sống mất đi sự trung thực, trở thành một tấn tuồng.

Nhưng sa mạc khác hẳn thế: nó không phải là sân khấu. Khi tấn tuồng kết thúc, sa mạc mới có đó để chào đón bạn. Ở đây, bạn phải vứt bỏ cái mặt nạ đóng kịch đi. Và bạn sẽ tìm lại sự trung thực và niềm vui được là chính mình.

Tuy nhiên, vứt bỏ mặt nạ là điều rất đau đớn vì nó đã được tháp chặt vào chính nhân cách của bạn. Những cử chỉ đã thành thói quen và những nghi thức đã thành qui ước đều chịu tác động dễ dàng được. Cho nên nếu không sống cô tịch, những thay đổi căn để ấy hầu như không thể thực hiện được. Ở nơi công cộng, thật dễ cho người ta đeo mặt nạ, chỉ có nơi tư riêng, người ta mới đủ can đảm để xé nát nó ra. Điều này đòi hỏi nhiều thời gian. Bởi vì học một vai tuồng để đóng trò bao giờ cũng dễ hơn là quên nó đi sau này, hoặc thành thạo những trò giả mạo cũng như tuồng dõn bao giờ cũng dễ hơn là lấy lại nét bộc phát độc đáo của chính mình.

QUYỀN BIẾN TRONG SA MẠC

Trong sa mạc, không hề có chuyện lặp lại. Vì không có hành động nào giống hành động nào. Bạn đang bước trên các đụn cát và, trong một không gian cách chừng 10 bước, đang đi trên đất cứng, bỗng nhiên bạn bị chìm đến lưng. Bạn đánh dấu đường đi trên cát, ghi lại rõ những bước chân bạn đã đi qua, nhưng ngày hôm sau trở lại, bạn sẽ không còn thấy những dấu chân ấy nữa, gió đã thổi bay những dấu chân ấy đi, không còn vết tích. Nghiên cứu cẩn thận hướng gió, rồi bạn mới nổi lửa tại một chỗ an toàn, nhưng chỉ trong nháy mắt, gió đã đổi hướng làm tan hoang chỗ bạn trú. Bạn ngủ yên lành trong lều, nhưng đêm sau đã buộc phải ngủ ngoài trời giữa những con vật tự bản chất chẳng duyên dáng gì.

Trong sa mạc, dường như chẳng có chuyện gì xảy ra hết. Lúc nào cũng một cảnh tượng ấy. Chẳng có biến cố nào đáng lưu tâm. Cùng một loại bánh mì, một thứ nước, một thứ sữa, một loại bụi. Ấy vậy mà, mỗi ngày bạn đều phải quyền biến nghĩ ra một đường đi, đưa ra một quyết định đầy rủi ro, thực thi một trách vụ mới, tìm một giải đáp cho một vấn đề khác lạ. Nói cách khác, mỗi ngày bạn đều được yêu cầu phải phát minh ra chính cuộc sống của bạn.

Điều này rất đúng đối với việc cầu nguyện. Vì cầu nguyện là một cuộc chiến đấu chống lại thói quen. Như người ta thường nói, cầu nguyện làm bạn ra xa lạ đối với tập quán. Đúng như vậy. Người cầu nguyện không có não trạng một chiều. Họ là người biết phát minh, biết quyền biến. Mỗi ngày, họ phải tự tìm ra bộ óc mới, trái tim mới. Oái oăm thay, sự thật trắng trợn lại cho thấy ta bị trói chặt vào các hành động cứ được lặp đi lặp lại hoài. Ta thích hành động theo sách vở. Ta nhấn mạnh đến việc phải theo cùng một tấn tuồng, cùng một kịch bản, cùng một điệu bộ. Ta cố gắng hết sức tự bảo vệ mình chống lại những rủi ro của cuộc sống. Trong sa mạc, tác phong ấy không thể chủ trương được. Vì ở đó, tấn tuồng quen thuộc đã biến mất và chính người nhắc tuồng cũng không thuộc bài.

Cách trẻ mãi không già

‘Ông mang bọn tôi tới sa mạc để mà chết’ (Xh 14:11). Đáng lẽ họ phải biết điều ấy chứ. Đến sa mạc là cầm bằng cái chết. Sa mạc làm gì khác hơn. Nó đòi ta phải chết khỏi ách nô lệ của ước lệ, của phù phiếm, của hời hợt.

Như một bậc thầy hiện đại đã nói, trách vụ chính của con người là tái sinh. Nhưng ta biết điều ấy là điều ta làm không được, như Nicôđê mô ngày xưa từng thắc mắc: ‘Một người đã già rồi, làm sao có thể tái sinh được? Chẳng lẽ người đó có thể trở vào lòng mẹ lần thứ hai để sinh ra sao?’ (Ga 3:4). Quả thế, tự mình, con người không thể tái sinh được, nhưng nhờ sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần, họ có thể làm được điều ấy.

Như thế, nhà kinh tế học chết còn nhà thi sĩ thì được chào đời. Người biết suy luận chết còn người điên khùng thì được sinh ra. Người nô lệ chết, còn người tự do được thấy ánh sáng mặt trời. Người khai thác, tính toán và tổ chức hết sống nhưng người ca hát, chúc tụng và nhảy múa được sinh ra đời. Người chiếm đoạt vợ vét hung hãn chết còn người anh em biết chia sẻ hiền hòa được sinh ra. Người giàu có chẳng giữ được gì sẽ chết còn người nghèo khó giữ được tất cả sẽ sinh ra. Người sợ phải nhìn nhận Chúa là Cha sẽ chết còn người con dám mạnh bạo kêu lên ‘Abba, lạy Cha’ sẽ được sinh ra.

Tôi có cái may mắn lớn được gặp mặt rất nhiều đan sĩ, là những người nhắc tôi nhớ lại một cách sống động hình ảnh những trẻ thơ được Chúa Giêsu yêu thích vì Nước Thiên Chúa thuộc về chúng. Các ngài giúp tôi hiểu ra ý nghĩa đích thực của việc nên như con trẻ. Vì các ngài không chút giả vờ giả vịt. Các ngài hoàn toàn tự phát, tự nhiên như nhiên tại, vui tươi, cởi mở, thanh thản, chào đón. Và đôi mắt hiền hòa, trong sáng, thân ái của các ngài cho bạn thấy bạn cần phải thanh tẩy và trở nên trung thực xiết bao. Các ngài không tạo nên một lễ lối sống, nhưng các ngài duy trì cái cảm thức về niềm thiêng bở ngỡ. Các ngài giúp tôi có ấn tượng rằng mỗi ngày các ngài khởi đầu cuộc sống các ngài đều hành động như những người bắt đầu khởi hành lần đầu hết. Rõ ràng có mối giây liên kết giữa sự sẵn sàng đón nhận và ơn thánh. Theo nghĩa này, cầu nguyện, vốn được coi là ca hát, chúc tụng và tôn thờ, chính là phần đề của già lão. Các đan sĩ đã khéo léo giữ cho mình tươi trẻ, bảo tồn được các giá trị của tuổi thơ, vốn là những giá trị giúp ta tránh trở nên những bức hí họa về chính mình.

Bước những bước chân của Chúa

Một số người cho rằng những người vào sa mạc đều thoái thác công việc tông đồ. Trái lại, tôi lại thấy không ai hoạt động tông đồ tích cực như họ. Vì những người vào đây là để làm việc và xây dựng. Làm tông đồ bao hàm đem Chúa cho người khác. Nhưng con người bất lực không thể cống Chúa đền cho người khác được. Cho nên nhà chiêm niệm từ bỏ những phương thế vô dụng và tự đặt mình vào ngay trung tâm hành động của Chúa.

Khi thấy một nhà truyền giáo hiện đại hối hả vì sợ thế giới không được cứu rồi, tôi thấy rất băn khoăn. Vì trong khi hối hả như thế, rất có thể ông ta sẽ để quên Chúa lại đằng sau, Đấng mà ông muốn mang đến cho thế giới. Không, người của Chúa không chạy: anh ta bước bằng bước chân của Chúa.

Những cái nghịch lý của vị ần tu

Nhà ần tu được người ta cho là những người chịu tù bỏ: nhưng thực ra, các ngài là những người chiếm hữu nhiều nhất. Các ngài từ bỏ khá nhiều điều, nhưng bù lại các Ngài nhận được Chúa. Các ngài từ bỏ cái mau qua để nhận được cái đời đời.

Người ta biết các ngài như những người xa lánh: thực sự các ngài là những người gắn bó dai như đĩa đất. Các ngài xa lánh sự vật và con người chỉ là để khư khư bám chặt lấy đấng Tuyệt Đối.

Người ta coi các ngài như những kẻ đào ngũ, nhưng thực ra, các ngài là những người đi tiên phong cho nhân loại. Người ta tin rằng các ngài sống trong bóng tối nhưng thực ra hàng động của các ngài rực rỡ ánh sáng của Chúa.

Chúng ta cho các ngài vô dụng: thực tế ra, không có các ngài, thế giới sẽ sụp đổ. Các ngài được người ta gọi là người chay tịnh, mà thực ra các ngài là những người tiệc tùng nhiều nhất trần gian.

Như vậy liệu các ẩn sĩ có sống khắc khổ hay không? Theo nguyên ngữ Hy-lạp, khắc khổ có nghĩa là thô kệch xù xì, gồ ghề lởm chởm, vụn vẹo máu chột. Khắc khổ là những hạn chế tự đặt cho mình. Theo nghĩa đó, ẩn sĩ quả có sống khắc khổ, nhất quyết khước từ những sự vật thứ yếu và tự giới hạn mình vào những điều tuyệt đối chủ yếu.

Biến đổi trong cầu nguyện

Trong sa mạc, bạn sẽ thấy Đấng Thiên Chúa khởi công, chứ không phải Đấng Thiên Chúa hoàn thành. Đấng Thiên Chúa hóa công, chứ không phải Đấng Thiên Chúa trang trí.

Đã từ lâu, tôi vẫn tin cầu nguyện là một thứ thẩm mỹ thiêng liêng tương đương như tâm lý học trị liệu hay giải phẫu thẩm mỹ. Từ cầu nguyện đi ra, tôi hy vọng mình sẽ có được một vài nét chấm phá của chiêm niệm, một vài đường tinh tế của tâm tình và một ít đường nguệch ngoạc của ơn thánh. Tôi nghĩ từ kinh nghiệm ấy đi ra, mình sẽ khiêm nhường hơn, vâng lời hơn, trong sạch hơn, đáp ứng hơn, và độ lượng hơn đôi chút.

Thế nhưng, tôi đã nhận ra rằng cầu nguyện không bao giờ làm công việc sửa chữa tu bổ. Nếu bạn cứ nhất định đặt mình dưới hành động thanh tẩy của cầu nguyện, thì bạn nên sẵn sàng tiếp nhận hành động tàn phá không tiếc thương của nó. Còn nếu bạn để Chúa tự do hành động trong cầu nguyện, bạn có quyền hy vọng một thay đổi không ngờ. Chúa không dùng bột vữa nước sơn: Ngài chờ bạn với dao mổ, thuốc đốt.

Lời cầu nguyện của tôi không là gì khác mà chỉ là cách để tránh xa Chúa. Điều tôi muốn là Chúa chỉ nên là nhà trang trí nội thất cho cái toà nhà thiêng liêng nhân tạo của tôi. Giờ đây tôi nhận ra rằng Chúa không có thì giờ cho cái công việc sửa chữa sức khỏe và sắc đẹp ấy. Ngài không chịu nhận công việc cải thiện những tòa kiến trúc thiêng liêng sẵn có. Ngài chỉ muốn khởi công với những vật liệu thô mà thôi.

Ngay cả lúc này, công việc phá dỡ của Chúa vẫn làm tôi kinh hoàng. Nhưng giờ đây tôi đã biết nối kết lời cầu nguyện vào những vết thương rách nát hơn là vào những lời than vãn sụt mướt của mình.

Ta không nên mong được chứng kiến việc cầu nguyện sẽ đem đến những con người được tẩy bóng, thoa thuốc thơm và tráng kiện hơn nhờ những viên sinh tố trên trời. Ngược lại, ta phải sẵn sàng tiếp nhận một con người hoàn toàn biến đổi.

Cho nên chấp nhận năng động tính của cầu nguyện là chấp nhận trở nên người khác hẳn không ai nhận ra. Đó là cách duy nhất để được Chúa nhận ra.

Cầu nguyện là trở thành lệch tâm

Ngày nay, người ta nói nhiều đến việc ‘tìm lại căn tính của mình’. Nhưng hình như người ta có ý nói đến một thứ căn tính được xã hội áp đặt cho cá nhân. Đó là thứ căn tính đã được định sẵn, không thay đổi. Bạn tìm được căn tính nếu bạn ‘giống’ người mẫu đã được người ta lựa chọn. Như thế cuộc đi tìm căn tính kết thúc trong nô lệ, chứ không trong tự do. Vì bạn không trở nên cái bạn được mời gọi trở nên, mà là cái xã hội muốn bạn trở nên.

Trong bối cảnh đi tìm căn tính, cầu nguyện là yếu tố lật đổ hơn là củng cố. Cá nhân sẽ tiến từ phương thức sống đồng tâm qua phương thức sống lệch tâm (eccentric). Lệch tâm đây không có nghĩa là kỳ cục, mà có nghĩa là cái tâm bản ngã của cá nhân bây giờ ở bên ngoài họ. Vì họ đã để cho bản ngã họ chịu sức hành động của ơn thánh Chúa.

Người cầu nguyện lệch tâm vì họ đi ra ngoài những vòng tròn tảo ngộ và thủ cựu. Họ vượt khỏi những vòng tròn kế hoạch và khả thể để bước vào lãnh vực ảnh hưởng của Chúa. Tuy nhiên, tất cả những điều ấy chỉ có thể xảy ra qua chu trình khổ đau của xuất hành. Đó chính là sa mạc của họ, vừa hấp dẫn vừa kinh hoàng, với cả đêm đen lẫn Đất Hứa của nó.

Những người sáng láng

Trong sa mạc, bạn học được nghệ thuật định hướng. Nghệ thuật này hệ ở việc quay mặt về Phương Đông từ đó ánh sáng tỏa ra khắp thế giới. Nó cũng hệ ở việc nhìn về Giêrusalem nơi ánh sáng phát ra từ một ngôi mộ đã một lần đánh bại quyền lực của tối tăm. Ngoài ra, nó cũng hệ ở việc phải chăm sóc ánh sáng ngay trong ta. Đó chính là lý do tại sao ta được gặp khá nhiều người sáng láng trong sa mạc.

Đó là những người Chúa Thánh Thần đã tìm được chỗ ngụ cư trong họ. Và giờ đây họ chiếu ánh sáng của Ngài ra. Như Gioan Tẩy Giả, họ làm chứng cho Ánh Sáng để thế gian được sống. Trong khi con người nói chung tất yếu đổ bóng xác thịt của mình xuống, thì người của ánh sáng phát ra sự rực rỡ chói lọi của Thần Khí. Họ để lại phía sau những tia sáng giống như cầu vồng hy vọng cho thế giới.

Những thế kỷ đầu của Kitô giáo, rất nhiều người đã vào sa mạc nơi đó nếp sống của họ đã lôi kéo được nhiều người khác. Họ sẵn sàng kinh qua một chu trình khổ đau nhất của thanh tẩy để có thể đạt tới nguồn sáng phát ra từ Chúa.

Trong sa mạc, người của ánh sáng có thể nghèo dưới con mắt thế gian; nhưng họ thật giàu có trong vẻ huy hoàng của Chúa. Và họ chia sẻ cho thế gian các hoa trái của Chúa Thánh Thần, của Chúa Kitô Phục Sinh, của Giáo hội thánh thiện. Những người sáng láng này có thể bước qua mặt bạn, miệng không nói một lời. Nhưng họ không ngừng cho bạn hay quả là phi lý nếu cả đời bạn cứ dấu ánh sáng dưới chiếc thùng.

Can đảm đầu hàng

Trong sa mạc, biện chứng pháp của tìm kiếm và tìm ra có một cơ cấu rất lạ. Việc tìm kiếm kết thúc một cách đầy ngạc nhiên. Và tôi xin thành thực nói rằng không biết mình có tìm ra điều mình đang tìm kiếm hay không. Tôi chỉ biết rằng tôi đã bị qua mặt. Bị qua mặt bởi một Tiếng Nói. Bị bao vây bởi một Sự Hiện Diện. Thật khó định nghĩa được điều tôi đã tìm ra. Nhưng tôi biết chắc rằng tôi đã bị Một Ai Đó tóm cổ.

Cái không gian vô tận của sa-mạc khởi đầu cho bạn cảm giác là bạn được tự do muốn đi đâu tùy thích. Nhưng qua trực giác, bạn thấy ngay rằng một ai đó đang sắp sửa dùng tay dẫn bạn đi.

Sa mạc tạo nên một thách đố đầy nghịch lý. Người ta cho bạn một vùng đất bao la nơi bạn có thể trốn thoát bất cứ lúc nào. Lòng can đảm của bạn đang bị thử thách. Bạn có can đảm đủ để bị bắt lại hay không? Bạn có anh hùng đủ để đầu hàng vô điều kiện không?

Đối với tôi, dường như cầu nguyện là một quà phúc phi thường về không gian. Không ai được sử dụng nhiều không gian bằng người cầu nguyện. Nhưng không gian ấy không giúp anh trốn thoát: nó khiến mọi cuộc trốn chạy đều không thể thực hiện được. Và người cầu nguyện biết rõ mình đã trở thành người không thể trốn chạy được nữa. Điều ấy, chắc bạn cũng sẽ đồng ý, là giải pháp hạnh phúc hơn cả. Vì ta sẽ không bao giờ hưởng được thứ tự do nào lớn hơn là khi ta để Chúa thâm tóm lấy mình.

Không có lối thoát. Đó là cốt lõi của thách đố rủi ro mà ta tự chọn lấy khi cầu nguyện. Và đẹp đẽ thay khi ta để mình rơi vào bàn tay Chúa hằng sống.

Nghệ thuật đốt tin tức

Trong Hồi giáo, có một truyền thống theo đó người ta hay vào sa mạc để lấy lại trí nhớ. Những người như thế được thiên hạ gọi là ‘người đi tìm trí nhớ’. Truyền thống đại chúng để lại cho bạn một trí nhớ ngắn ngủi, mục đích đưa bạn tới những tin tức mới nhất. Nó không giống như danh sách đi mua sắm của bạn. Trong sa mạc, trí nhớ của bạn vì không còn bị ràng buộc vào những cột tin tức và những hàng tít tin tức gay cây, nên đã có thể trở về với cái nguồn biến cố nguyên thủy và giá trị căn bản.

Người của phố chợ có thể rất thạo tin tức, nhưng thường mau quên. Họ có thể biết rõ tin tức hiện nay nhưng nếu cố nhớ lại những chuyện của ngày qua, trí nhớ của họ mù tịt. Họ có thể biết họ đang ở đâu, nhưng họ không biết họ xuất phát từ đâu và sẽ đi đâu.

Như vậy phải chăng người của sa mạc xa rời thực tế? Họạ hiếm lắm. Vì họ chỉ chọn ở một nơi khác thôi. Một nơi đúng. Họ là người của sự thật, không phải người của mới lạ. Ở phố chợ, bạn nhớ việc phải làm. Nhưng chỉ ở trong sa mạc, bạn mới nhớ bạn phải là người như thế nào. Ở phố chợ, bạn là con số, và máy vi tính có thể đem được bạn. Trong sa mạc, bạn khám phá ra tên thật của mình, và Chúa gọi bạn bằng cái tên thật ấy.

Sự quan trọng của khiêm diện

Tôi thường nghĩ đến những người hiến mình hoàn toàn cho đời sống cầu nguyện. Và tôi cầu xin cho họ được yên thân sống cái cuộc sống thâm lặng và không ai biết đến ấy. Tôi cũng hy vọng rằng đừng ai thuyết phục được họ tham dự những cuộc tranh biện, thảo luận.

Họ là trái tim thế giới và trung tâm Giáo hội. Cho nên thật lắm lần khi họ leo lên những diễn đàn phù phiếm tự nguyện trang dưới lớp áo thảo luận tôn giáo. Chỉ biết có một sự và chỉ làm có một sự, không nên coi họ là những người biết hết mọi sự. Họ đã cam kết tham dự vào việc xây dựng Nước Chúa; cho nên quả là làm lạc nếu họ phải phí thì giờ đi theo những người tự vui thú với những vấn đề giả tạo.

Người chuyên chăm cầu nguyện không biết gì đến những công thức mới nhất do các chuyên gia sáng chế ra. Cầu nguyện là lãnh vực chuyên môn của họ, một lãnh vực chuyên môn nhằm đơn giản hóa phần lớn các vấn đề của trần gian. Nên họ không quan tâm đến việc phải trú ẩn trong các ý thức hệ,

trong các thời trang hoặc trong các nhóm quyền lực. Họ không cần được nâng đỡ, không cần tay chân quen thuộc cũ. Cho nên quả là sai lầm nếu ta mời họ ngồi vào những cuộc hội thảo bàn tròn và những cuộc hội nghị quốc tế.

Ngược lại, ta cần sự im lặng của họ và ta lệ thuộc vào sự vắng mặt của họ. Chỉ cần chúng ta biết được họ đang ở đó, nơi những người phỏng vấn và những máy quay hình không thể tới được.

Chỉ cần chúng ta biết họ đang hiện hữu, bên ngoài cái pha chế của quảng cáo. Quả là nhẹ nhõm khi bật truyền hình mà không thấy các ngài đang ngồi thảo luận với những nhà thức giả.

Tôi thấy tôi rất hứng hờ khi phải xem các màn trình diễn của các ngài. Có khi tôi còn ngủ thiếp đi nữa. Dù sao, thì những cuộc thảo luận của các ngài há đã không tránh né những vấn đề đích thực đó sao? Nhưng điều gì khiến tôi nghĩ như vậy? Đó chính là: người cầu nguyện đã rời bỏ khung cảnh của mình.

Hãy để những nhà chuyên môn làm công chuyện của họ, trình diễn các kiến thức của họ, rao bán các công thức của họ.

Hãy để các ông thu hình của các đài truyền hình hoàn tất công việc lên khuôn những bộ mặt nhẽ nhãi mồ hôi, những bàn tay múa may, những ngón tay điểm huyết và những chiếc mồm phán dạy thiên hạ.

Nhưng ít nhất vào phút chót, khi đèn tắt ngúm ta còn có thể tìm được thuốc chữa nơi những con người vắng mặt.

Chiếc thảm lạ lùng của chiêm niệm

Người ta kể rằng trên đỉnh Núi Alp, những người leo núi có thấy thứ cát đỏ của Sahara. Điều ấy có chăng cũng không có gì lạ lùng hơn cái ảnh hưởng sâu xa của cầu nguyện.

Điều lạ lùng nằm ở chỗ những người tạo ra sức mạnh ấy hầu như chưa bao giờ rời khỏi căn lều nhỏ nơi họ thờ lạy và chiêm niệm. Họ hải lòng bao lâu họ còn tìm ra một chiếc ghế dài hoặc một mảnh đất cát để có thể qui mà cầu nguyện. Và lời cầu của họ đã từ đó mà vươn ra khắp thế giới.

Tôi nghĩ đến các Giáo Phụ trong Sa Mạc xưa.

Tôi nghĩ đến Charles de Foucauld trong cái cô tịch khủng khiếp của Hoggar.

CHÚA CỦA NHỮNG ĐIỀU NGHỊCH LÝ

‘Đức Chúa phán với ông Mô-sê: từ tảng đá, ngươi sẽ làm cho nước chảy ra cho chúng, và ngươi sẽ cho cộng đồng và súc vật của chúng uống’ (Ds 20:8).

Trong sa mạc, Chúa ra lệnh những điều hết sức vô lý. Gần như bạn phải nghĩ rằng Ngài khoái đùa dai. Ngài truyền bạn phải tìm trái cây nơi những vùng khô cằn nhất. Trong khi hứa cho bạn được giàu có, thì mặt khác, Ngài lại cất mọi sự đi khỏi bạn. Ngài kết bạn với bạn, nhưng lại để bạn héo mòn trong sâu muộn. Ngài bảo bạn đừng lo lắng về sự sống của mình trong khi bỏ rơi bạn tại những nơi mà thân chết đang thống trị. Ngài bảo đảm rằng bạn sẽ không bao giờ thiếu ánh sáng nhưng lại truyền cho bạn

phải tắt đèn đi. Ngài hứa cứu bạn nhưng lại để mặc bạn trong những nơi bị ruồng bỏ. Ngài nói đến miền đất chảy ra sữa và mật ong nhưng trong khi chờ đợi lại chẳng chịu làm chi để người con đói cho bạn.

Lạy Chúa, sao Chúa cứ khăng khăng làm những chuyện phi lý như vậy? Con đang khát nước quá. Nhưng con sẽ không đi tìm nước nơi những chỗ nắng cháy. Vậy mà Chúa bảo con phải đánh vào tảng đá. Con cũng đang đói đây. Nhưng con sẽ không đi tìm bánh ăn tại những nơi đến một ngọn cỏ cũng không tìm ra. Con cũng đang cần ánh sáng. Nhưng con sẽ không thổi tắt ngọn đèn nhỏ cũ kỹ trước khi con thấy ánh sáng của Chúa chiếu tỏa cuối chân trời cuộc đời của con. Con cũng đang cần sự khôn ngoan, nhưng làm sao con có thể tìm ra nó mà lại không cần đến sách vở và thầy dạy?

Lạy Chúa, xin Chúa hợp lý một chút đi, và hãy sai con đi tìm nước nơi có suối nguồn. Lạy Chúa, ai có thể lý luận với Chúa được? Có ai đã từng được thấy đá tảng phun nước chưa?

‘Người xẻ đá giữa sa mạc hoang vu,
khiến nước tuôn tràn cho dân được uống,
từ khe đá, Người khơi dòng suối chảy,
nước đổ dạt dào như những con sông’ (Tv 78:15-16).

Không, không còn lựa chọn nào khác. Để sống còn trong sa mạc, ta phải phó mình ta trong tay đáng Thượng Đế của những điều nghịch lý.

Chúa, Đáng khó khăn

Lại một ngày cát và cầu nguyện nữa. Tôi ráng nhớ lại một số trong 99 cái tên của Chúa mà truyền thống Hồi Giáo đã để lại cho ta. Và tôi tự hỏi không hiểu 99 cái tên đó mạc khải hay che đậy Chúa đi. Có lẽ cả hai.

Tôi nhớ lại một vài tên được tôi rất thích. Chúa Nhân Từ, Chúa Xót Thương, Chúa Hòa Bình, Chúa Tín Trung, Chúa Khoan Dung. Nhưng tên mà tôi thích hơn cả là Chúa Nhân Nại.

Mặc dầu thế, tôi không thấy một tên nào trong số đó thích hợp với hoàn cảnh trong sa mạc của tôi. Tôi thấy cần phải thêm vào danh sách ấy một tên khác nữa, đó là Chúa Khó Khăn. Trong sa mạc, tôi luôn phải vật lộn với Chúa Khó Khăn.

Abu Hurayra quả quyết rằng ai thuộc đủ 99 cái tên đẹp đẽ ấy của Chúa sẽ được vào thiên đàng. Nhưng tôi nghiêng về việc tin rằng ai biết cái tên thứ một trăm của Chúa, người ấy chắc chắn sẽ vào thiên đàng đầu tiên. Dù sao, đường vào thiên đàng cũng hẹp và khó khăn.

Hòa hợp đối với thăng bằng

Tôi không vào sa mạc để có được một cảm thức về thăng bằng. Vì điều ấy có thể thực hiện được bất cứ bạn ở nơi đâu. Một nhà văn Pháp (1) viết rằng sự thăng bằng là vấn đề trọng lượng, số lượng, và tương quan giữa các lực với nhau. Trong khi đó, sự hòa hợp hàm nghĩa phẩm chất, trọng điểm, đồng qui các đặc tính. Nói về thăng bằng, khi hai cái xấu được trung lập hóa, chính cái xấu có thể là một yếu tố quyết định. Nhưng chưa bao giờ có chuyện hai cái lực tốt tự triệt tiêu nhau. Cho nên có thể nói có việc thăng bằng khủng bố. Nhưng không thể có sự hòa hợp khủng bố được.

Đúng hơn, các nhu cầu của tôi cần phải được bất thăng bằng hóa. Tôi cần một trong hai đĩa cân phải trĩu xuống dưới sức nặng của thờ phượng, của chiêm niệm, của cô tịch, của thỉnh lặng, và của lòng mến Chúa.

Tôi phải làm quen với sa mạc, nơi đó không có chi thăng bằng hết, vì cái bất thường đã trở thành qui phạm. Do đó về phần tôi, tôi cũng muốn phá tan cái cảm thức về thăng bằng từng làm tôi tê bại xưa nay. Tôi muốn dùng một số lượng thời gian phi lý để cầu nguyện, chiêm niệm và thỉnh lặng. Tôi muốn đi quá trốn một cách kỳ cục trong việc tìm về gốc rễ, tìm đến sự liên quan, tìm đến nguồn sinh thứ hai. Và tôi khám phá ra rằng cách duy nhất để đạt được sự hòa hợp trong con người mình là phải khắc phục được nỗi sợ mất thăng bằng và bỏ đi sự tự do mà sự thăng bằng của các lực tiêu cực đã tạo ra.

Điểm nữa là thăng bằng giúp bạn tiến bước trong đời. Cái giá phải trả có thể chỉ rất ít. Do việc phải loại đi những cái bất thăng bằng ít oi trong đời bạn. Ngược lại, hòa hợp làm bạn như lạc lõng giữa đời. Tuy nhiên, để bù lại, đời bạn trở sẽ thành công trình của nghệ thuật.

(1) G. Thibon: L'Equilibre et l'harmonie, Fayard, 1976, p.11.

Con cú và người chiêm niệm

Một vị ẩn tu kia tìm được một cái hang rất thích hợp cho sinh hoạt tịch liêu của mình. Khi đi quanh để quan sát, ngài thấy một con sư tử. Nó không thích sự xâm lấn, nên rống lên một tiếng rợn xương sống. Vẫn điềm nhiên, vị ẩn tu nói với con sư tử, ‘cần chi phải tức giận nguyền rủa và làm om sòm lên như thế. Tôi nghĩ ở đây đủ chỗ cho cả hai đứa mình mà. Còn nếu bạn không thích ở chung, thì bạn có quyền dọn đi’. Con sư tử nghe thấy thế hoảng quá, bèn lình ra cửa hang và biến mất.

Những câu chuyện như thế khá quen thuộc trong cuộc sống của các Giáo Phụ Sa Mạc xưa. Xem ra cuộc sống ẩn tu đã trở lại thời của Địa Đàng trước khi con người sa ngã nơi A-đam sống hoà nhã với thú vật.

Thật là thích thú khi kể ra tên các con vật quen thuộc của các vị ẩn tu. Báo, sư tử, cá xấu, rắn, bọ cạp, độc xà. Tất cả đều vô hại và, trong một số trường hợp, còn thân thiện và giúp đỡ các ngài nữa.

Tuy thế, các ẩn sĩ có vẻ thích cú nhất. Trong khi đối với ta, loài chim này có cái gì đáng khiếp vì tiếng hú quái đản giữa đêm khuya của chúng, thì các ẩn sĩ lại coi chúng như biểu tượng cho chính cuộc sống của các ngài. Lý do chính là chính những con mắt mở lớn của cú giúp chúng có thể nhìn trong bóng tối. Thực vậy, cú có thể nhìn dưới ánh sáng yếu hơn ánh sáng cần cho mắt người khoảng trăm lần.

Mắt người, bị lôi cuốn bởi những sự vật chói lòa lòe loẹt, dần dần trở nên yếu đến độ cuối cùng chỉ còn có thể nhìn thấy những sự vật ngay trước mũi mình mà thôi.

Con mắt các ẩn sĩ, giống như mắt cú, dám thách thức cả đêm khuya. Các ngài dám nhìn thấu qua đêm. Các ngài nhất định nhìn ra thực tại đang được huyền nhiệm bao phủ. Nhờ thế mắt các ngài mỗi ngày một mở lớn ra để có thể nhìn thấy cái Chân và cái Mỹ bên kia bức tường mờ ảo của sự vật.

Cho nên khi cầu nguyện, bạn đừng sợ để Chúa mở mắt bạn ra. Nhờ thế đêm, dù đen bao nhiêu, cũng sẽ trở thành nguồn sáng của bạn.

CẦU NGUYỆN LÀ LẮNG NGHE

Trên khắp nẻo đường sa mạc, tôi không gặp con hùm con hổ nào cả. Tuy nhiên tôi có thấy con *fennec* một lần. Đó là một loại sói sa mạc. Một nhóm thanh niên đã bắt được nó và cột dây đem nó đi đó đi đây. Tôi có dịp quan sát nó rất gần. Lông nó trắng và mõm nó nhọn. Da không nâu. Thân hình thon nhẹ. Di chuyển nhanh, dễ thương. Nhưng tôi thích đặc biệt hai tai của nó, to dài và biết ve vẩy.

Fennec có thể dùng tai làm quạt, quay tròn, nhờ thế thân thể luôn mát mẻ. Hai chiếc tai lạ lùng đó còn đặc biệt hữu dụng đối với con sói tí hon này trong việc xác định được bước đi từ xa của một con dã thú. Thực tế, tai của nó giá trị hơn đôi mắt.

Cầu nguyện cũng là chờ đợi và lắng nghe. Là khám phá ra bước chân thân ái của Chúa. Là cảm nhận sự hiện diện của Ngài. Là nghe được tiếng của Ngài.

Phụng vụ tiếng nói

Sa mạc dạy ta nhiều bài học mới về nhìn và nghe. Cả hai giác quan này đều đã được cứu khỏi cảnh lộn xộn và được tái qui hướng về Chúa. Mắt và tai đều quay về cùng một hướng, nghĩa là cùng hướng về một điểm duy nhất.

Nhưng sa mạc đặc biệt chuẩn bị cho ta về thính giác. Ta được đặc ân thu nhận một tiếng nói vừa như một lời mời, một lệnh truyền, một tình bạn và một tình yêu cùng một lúc. Một tiếng nói làm vững mạnh sợi dây liên kết giữa ta và Chúa. Và sợi dây ấy càng lớn mạnh, ta càng dễ nhận ra tiếng nói của Chúa.

Người được yêu trong Diễm Ca đã đánh cá mọi sự trên giọng nói của người nàng yêu:

‘Tiếng ai văng vẳng! Đích thị người yêu em rồi!
kia chàng đang tới, nhảy nhót trên đồi, tung tăng trên núi.’ (Dc 2:8).

Giọng nói ấy, dù rất nhỏ, cũng đã được thu nhận trong trái tim:

‘Tôi ngủ, nhưng lòng tôi chột thức;
Và tôi nghe người yêu gõ cửa’ (Dc 5:2)

Khi nàng hỏi lính canh xem họ có thấy người yêu của nàng đâu không, nàng bị thất vọng. Vì mắt làm sao trả lời được câu hỏi ấy. Tốt hơn nên dựa vào hai tai:

‘Cho anh nghe với, hỡi nàng’ (Dc 8:13).

Ban đêm, chiêm chẵn chẵn cảm thấy lạc mất mục tử. Nhưng sáng ra, chúng lại thấy ông, không phải nhờ trông thấy ông mà là nhờ nghe tiếng ông nói. Miết rồi, chiêm và mục tử nhận ra nhau qua ‘phụng

vụ lời nói'. Ông gọi chiên từng con và dẫn chúng ra khỏi chuồng, đi đầu dẫn đường chúng đi. Và chiên theo ông vì chúng nhận biết tiếng ông (Ga 10:4). Như thế chính nhờ giọng nói của mục tử mà chiên phân biệt được ông với người lạ. Giọng nói đã bỏ túc những gì mắt không thấy.

Vào buổi sáng Phục sinh đầu tiên, Maria Magđalêna, vì chỉ dựa vào thị giác, nên đã khóc sụt sùi vì thấy xác Thầy đã bị lấy mất:

‘Họ đã lấy xác Thầy tôi khỏi mộ và tôi không rõ họ để xác Thầy nơi mô’ (Ga 20:13).

‘Maria!’

‘Lạy Thầy!’

Đôi mắt đã không giúp nàng thấy Ngài. Chỉ giúp nàng nghĩ lầm Ngài là người làm vườn. Nhưng giọng nói không thể lầm được. Cái âm sắc của giọng nói vừa gọi đến tên nàng bỗng làm nàng nhận ra.

Ta hãy can đảm theo chân Gioan Tẩy Giả vào sa mạc hoang vắng. Nơi đó, nhà chiêm niệm sẽ nhắm mắt lại, khước từ mọi hiểu biết do thị giác mang tới. Họ sống trong cái thinh lặng tự họ đặt để cho họ và tìm lại được giọng nói chân thực của mình và đáp lại tiếng nói của Chúa: ‘Lạy Chúa Giêsu, xin hãy đến!’ (Kh 22:20).

Như thế, chính giọng nói mới là phương tiện chính để hiển linh, để tiếp xúc, để gặp gỡ và để chiếm hữu.

Người ta không chỉ sống nhờ bánh

Một sáng kia, tôi tĩnh tọa trên ngọn một đụn cát. Tôi mang theo mình phần ăn gồm bánh mì như thường lệ. Khi tôi bắt đầu ăn mẩu bánh mì đó thì thấy nó khó nhai quá. Có cái gì không ổn rồi. Tôi thấy như có đá trong miệng chứ không phải bánh mì. Tôi ráng nhai nữa. Rõ ràng có tiếng răng rắc, ken két. Thì ra có đá thật trong bánh. Bỗng nhiên tôi nhớ đến câu người ta không sống nhờ bánh mà thôi mà còn nhờ lời từ miệng Chúa phán ra.

Nhưng há miệng để nhận bánh ăn là lời hằng sống từ miệng Thiên Chúa phán ra không hẳn là chuyện dễ. Vì miệng tôi đầy những lời trống rỗng và những chuyện tầm phào vô ích. Mặt khác, tôi lại còn sợ lời Chúa nữa. Nên tôi chỉ có thể mở miệng được chút xíu. Và tôi chỉ nhận được rất ít lời Chúa. Có điều lời Chúa không cho phép chần chừ, đối kháng, thỏa hiệp.

Lắng nghe

Đừng bao giờ vội vã. Đừng mong nghe được lời Chúa ngay khi bạn vào sa mạc. Bạn phải im lặng đợi chờ. Toàn con người bạn phải ở trong thái độ lắng nghe. Mọi hoạt động khác phải đặt dưới hành động đợi chờ Chúa. Và Chúa có thể nói bằng lời hoặc bằng sự im lặng của Ngài.

Cho nên điều quan trọng là phải dập tắt mọi tiếng nói khác. Những tiếng nói đó có thể là tiếng nói của kiêu ngạo, của tham lam, của giả hình, của ích kỷ, của phù vân giả tạo. Tất cả phải được dẹp bỏ. Cả tiếng nói của những người khác trong đời bạn cũng cần phải dập tắt. Chỉ như thế bạn mới có khả năng lắng nghe sự im lặng của Chúa.

Âm thanh của im lặng

Những lời chân thật và đáng nghe ít khi được nói ngoài công viên và chợ búa. Ở những nơi ấy, lời nói không là gì khác hơn tiếng náo động. Nhưng trong sa mạc, bạn sẽ nghe được những lời có sức thay đổi cuộc sống bạn.

Những lời bạn nghe ngoài công viên hoặc chợ búa kéo bạn vào những cuộc tranh luận và biện bác vô ích. Còn những lời bạn nghe trong sa mạc dẫn bạn tới thanh lặng và cầu nguyện.

Thấy mình đứng trước mặt Chúa, Isaia đã thốt lên những lời khó quên sau đây, ‘Khốn thân tôi, tôi chết mất! Vì tôi là một người môi miệng ô uế’ (Is 6:5). Những lời của vị Tiên Tri này cho thấy ông bắt buộc phải im lặng vì những điều ông trông thấy, nghe thấy và cảm thấy khi ở trước nhan thánh Chúa. Theo Balducci, Isaia đã gặp được một vị Thiên Chúa vốn chưa bao giờ thấy mình được tin hơn lúc người ta không tin, và chưa bao giờ được tuyên xưng hơn lúc người ta im lặng. Sự im lặng của Tiên Tri là một biểu tượng cho thấy sự phân cách và sự thánh thiện của Chúa.

Như thế, im lặng là hình thức thanh tẩy tốt nhất. Tuy nhiên, có thứ im lặng có giá trị như trống rỗng và có thứ im lặng có ý nghĩa như tròn đầy.

Có những người trở thành đại hùng biện nhờ ngậm sỏi trong miệng khi nói. Nhưng người ta nói rằng Abba Agaton ngậm sỏi trong miệng ba năm liền vì ông muốn giữ im lặng.

Lời nói đôi khi cản trở hiểu biết nhưng im lặng luôn luôn soi sáng. Quá nhiều lời đã được sử dụng để hoặc là chỉ nói lên được gì hay là nói ngược lại điều người ta muốn nói. Cho nên nhà chiêm niệm chân thực không bao giờ nói nhiều hết. Họ im lặng chờ đợi Chúa. Và khi đã thấy Chúa, họ sẽ không bao giờ nói nữa. Như thế, im lặng vừa là nguyên nhân vừa là hậu quả của sự kết hiệp với Chúa.

Nghi lễ im lặng

Trong sa mạc, chúng tôi sống thành nhóm, và chiều lại thường tụ họp để thư giãn với nhau. Chúng tôi thấy nhu cầu cần phải đến với nhau để cùng nhau thanh lặng. Những cuộc gặp nhau như thế làm tôi nhớ đến câu nói thời trung cổ, ‘*Silentium pulcherrima caeremonia*’. Im lặng là nghi lễ đẹp đẽ nhất.

Tôi chưa từng thấy sự việc nào tích cực hơn những giờ im lặng có tính cách cộng đoàn. Chúng tôi thấy mình không một chút gò bó hay sợ sùng, nhưng hoàn toàn thoải mái với nhau và với thế giới. Và khi chia tay tản mác mỗi người một nơi, chúng tôi đã nói hết những điều phải nói với nhau - trong thanh lặng.

Chúa chất vấn

Tôi vào sa mạc những muốn hỏi Chúa một số câu hỏi. Cái ý niệm cho rằng Chúa là người bán lẻ các câu trả lời quả đã bén rễ sâu trong ta. Vậy mà thực tế ra, Chúa chẳng thèm cho tôi cơ hội rút câu hỏi ra khỏi túi áo. Và cũng thực tế một điều nữa, là từ sa mạc trở về, tôi lại có nhiều câu hỏi hơn nữa. Chỉ khác một điều đó là chính những câu Chúa hỏi. Vậy những câu hỏi của tôi thì sao? Chúng đã bị thấy bỏ hết. Đến nay tôi cũng đã quên khuấy mất chúng.

Bạn không đi đến Chúa với một diễn đàn để đọc diễn văn hoặc một nghị trình để thảo luận. Giả sử một điều là không thể bước vào trò chuyện với Chúa như cách bạn muốn. Chúa thay đổi câu chuyện rất đột ngột. Ngài dẫn bạn vào góc bí bằng cách đưa ra ánh sáng những câu hỏi thực sự mà bạn đang cần thận né tránh.

Như thế là Chúa đảo ngược tình thế lại bạn. Giờ đây Ngài đặt câu hỏi và bạn phải đưa ra câu trả lời.

Tầm nhìn của Chúa

Lạy Chúa, đôi khi con cũng giống người biệt phái tên Simon. Đầy hoài nghi và tiền thói lương nan. Và dẫn con ra một bên, Chúa đã giải thích mọi sự cho con.

‘Simon ạ, tôi có điều muốn nói với ông’.

‘Thưa thầy, thầy cứ nói’.

Đáng buồn thay. Điều Chúa nói thực sự lại không phải là những giải thích chút nào. Trái lại là hàng loạt những câu chất vấn. Và giờ đây, lạy Chúa, Chúa có lời tuyên bố phải nói về con.

Con nghĩ con bắt đầu hiểu ra. Nếu con đặt câu hỏi cho Chúa, là con buộc Chúa phải mắt nhìn mắt với con. Nhưng nếu con để Chúa đặt câu hỏi, là con bắt đầu nhìn sự vật theo tầm nhìn của Chúa.

Chờ đợi con người

Sahara là sa mạc lớn nhất thế giới. Nó chiếm một phần tư lục địa Châu Phi. Nhưng chỉ có hai triệu người sống ở đó. Người Ả-rập cho rằng nó là Vườn của Chúa. Ngài đã tháo gỡ khỏi Vườn đó những con vật và những con người không cần thiết để Ngài có thể dạo chơi trong đó không vướng chân.

Phần tôi, tôi lại cho là Chúa dựng nên sa mạc để làm nơi hò hẹn. Sa mạc là nơi lý tưởng để tái lập những mối liên hệ đã bị phá vỡ tại Vườn Địa Đàng. Kể từ ngày A-đam bị đuổi khỏi đây, Chúa không vui khi Ngài chỉ là Chúa của hoa, của bầu trời và của các vì sao. Ngài muốn được là CHÚA của người đàn ông, của người đàn bà và của trẻ nhỏ.

Cầu nguyện là bắt đầu

Tôi được học một bài học quan trọng về cầu nguyện khi tôi chào tạm biệt sư huynh Ermete tại sa mạc. Chăm chú nhìn tôi với đôi mắt hiền từ và nắm chặt lấy bả vai tôi bằng hai bàn tay đầy gạch vữa, bằng một giọng trầm trầm, sư huynh nói với tôi, ‘Mau mau trở lại nhé! Trở lại và ở lâu hơn để cảm nghiệm được sa-mạc. Bây giờ vì đã được mắt thấy tai nghe, bạn phải tự quyết định đi thôi. Tôi chắc chắn bạn sẽ thấy nó thích thú’.

Như thế những ngày của cô tịch, của cầu nguyện và của cát phải chăng chỉ là những kinh nghiệm nông cạn về sa mạc của tôi hay sao? Tôi thấy đôi chút bất mãn và bực mình. Theo tôi, người ta đã đòi chút bất công đối với tôi. Có lẽ đã có lúc tôi thích được trở lại để giải thích, để làm sáng tỏ, để biện minh.

Tuy nhiên với thời gian trôi qua, tôi phải công nhận rằng sư huynh Ermete có lý. Vì sự thực tôi vẫn chưa học được cách cầu nguyện. Tôi chỉ có được một cái nhìn thoáng qua về cầu nguyện, về cô tịch và

về thình lạng. Đó là bức minh họa về những gì đáng lẽ tôi đã phải thực hiện được trong đời sống hằng ngày của mình.

Bây giờ, tôi phải nhìn nhận rằng trong cầu nguyện không có cái tận cùng về thành quả. Bạn khởi sự cầu nguyện khi, sau ít năm thực hành, bạn nói với chính mình rằng, ‘Tôi phải bắt đầu cầu nguyện đi thôi’.

Môi trường sống tự nhiên của con người

‘Gió to bão lớn xé núi non, đập vỡ đá tảng trước nhan Thiên Chúa, nhưng Thiên Chúa không ở trong cơn gió bão. Sau đó là động đất, nhưng Thiên Chúa không ở trong trận động đất. Sau động đất là lửa, nhưng Thiên Chúa cũng không ở trong lửa. Sau lửa, có tiếng gió hiu hiu. Vừa nghe tiếng đó, ông Ê-li-a lấy áo choàng che mặt, rồi ra ngoài đứng ở cửa hang’ (1 V 19:11-13).

Những người vĩ đại đi tìm Chúa xác quyết rằng người ta không thể tìm thấy Ngài trong cái hối hả và huyền ảo của hoạt động. Việc chạy trốn khỏi ‘kinh thành’ là một từ bỏ có tính biểu tượng bất cứ điều gì cản trở ta không hiệp nhất với Chúa. Do đó, cuộc hành trình đi vào cô tịch, thình lạng và bình an mới có tầm quan trọng lớn. Vì những yếu tố đó tạo nên một bầu khí thích hợp để ta gặp được Chúa.

“Ai sẽ lên núi Chúa?

Ai xứng đáng vào trong Đền thánh của Ngài?

Đó chính là những người công chính trong tư tưởng và hành động” (Tv 24: 3-4).

Cho nên có vấn đề phải loại bỏ khỏi đời ta mọi thứ chuyện gẫu, mọi chuyện phiếm, lo ra, vọng động và trần tục. Nhưng bất hạnh thay, rất nhiều khi ta phải thú nhận rằng:

‘Tấm thân này trải qua bao năm tháng
sống cùng những kẻ ghét hòa bình’ (Tv 120:6).

Chúa không bao giờ bỏ rơi những người cô đơn:

‘Kẻ cô thân, Thiên Chúa cho nhà cửa’ (Tv 68:7)

Và Thiên Chúa chào đón những ai tự ý trở thành kẻ không nhà:

‘Thưa thầy, thầy ở đâu?’ (Ga 1:38).

Ngài không ở trong gió, cũng không ở trong động đất cũng như trong lửa. Nhưng nói Chúa không ở nơi nào đó là không đủ. Điều cũng quan trọng nữa là phải chỉ ra rằng nơi Chúa ở phải là nơi con người cũng được tìm thấy. Vì bất cứ điều gì ngăn cản ta khám phá ra Chúa cũng ngăn cản ta khám phá ra chính mình. Cho nên, môi trường nào không đưa đẩy ta tới chỗ tập luyện tìm ra dung nhan Chúa, môi trường ấy chắc chắn không phải là môi trường sống lành mạnh cho con người.

Ngược lại, thình lạng, cô tịch và bình an không phải chỉ là những điều kiện tiên quyết để tìm ra Chúa; cũng không phải chúng chỉ cho ta thấy nơi Chúa ở mà thôi; chúng còn tạo nên một cái khung qui chiếu để ta tự tìm ra chính bản thân mình. Như thế, thình lạng, cô tịch, bình an, khó nghèo, khiêm nhường, đều cùng tạo nên môi trường sống tự nhiên cho con người.

Những con bọ cạp chia trí

Tôi đang quì trước mộ của Charles de Foucauld, điếc tai vì gió hú và mù mắt vì cát bay. Bỗng có ai giạt mạnh tay áo tôi. Tôi quay đầu lại. Thì té ra là một em bé địa phương. ‘Ông lại đây, em cho xem con bọ cạp. Ông có thấy bọ cạp chưa? Em có một con bọ cạp. Ông lại đi. Ông có tiền không?’

Charles de Foucauld chắc hẳn cũng phải tặc lưỡi trước cảnh tượng này. Dù sao, ông cũng đã từng để mình bị Chúa và con người quấy nhiễu nhiều rồi. Những cuộc hành trình của ông lúc nào cũng dẫn ông đi trệch ra ngoài những nơi định đến. Chính vì lẽ ấy, ông luôn luôn thấy mình ở giữa lòng đời. Dù đó là trung điểm Sahara.

Tôi thường nghĩ đến em bé ở mộ Anh Charles. Tôi nghĩ đến biến cố tâm thường ấy mỗi lần thấy mình khó tìm ra những điều kiện lý tưởng để cầu nguyện. Và quả thật ngay ở trong sa mạc, tôi cũng không tìm ra những điều kiện như thế. Bạn phải chịu đựng sức nóng mặt trời, chịu đựng cát bay, gió thổi, khát nước, ruồi nhặng và mệt mỏi. Không, sa mạc không phải là nơi được bảo vệ để cầu nguyện.

Nhưng ở đây có cái quyết tâm của sa mạc, một cam kết dứt khoát sống cô tịch, một trì chí đợi chờ, một cương quyết chống lại lần lữa, một niềm khát khao ơn thánh.

Nếu không có được những điều kiện lý tưởng để cầu nguyện, phải chấp nhận những điều kiện hiện có, những hoàn cảnh cụ thể, dù bạn ở đâu đi chăng nữa. Người ta không dâng hiến sa mạc cho bạn làm chiếu ngồi cầu nguyện. Bạn phải tự tìm ra nó và giữ riết lấy nó mọi lúc trong đời bạn.

Nghĩ lại, tôi thấy mình may mắn lúc ở trước mộ Charles de Foucauld vì chỉ bị một em bé quấy rầy mà thôi. Bây giờ, tôi phải đương đầu với một số người đông hơn mà ai cũng có lý do mạnh mẽ bào chữa hơn là một con bọ cạp. Dù vậy, tôi vẫn phải lo bảo toàn sa mạc của tôi tại đây.

Chiếc xe buýt chật ních, những cuộc nói đùa thật dài, rồi ga xe lửa, lưu thông tắc nghẽn, những máy truyền hình nhà hàng xóm, những bước chân huỳnh huých từ lầu trên, những người cứ gọi làm số điện thoại. Đó chính là những điều kiện thực tế trong sa mạc của bạn. Đừng bực mình. Đừng chạy trốn. Đừng chần chừ việc cầu nguyện. Hãy quì gối xuống. Hãy bước vào sự cô tịch đang bị khuấy động kia. Hãy để sự tĩnh lặng của bạn bị những tiếng động kia phá vỡ phần nào. Bạn đã khơi mào được bước đầu của sa mạc rồi đó.

Trận chiến sa mạc

‘Và Thần Khí đẩy Ngài vào sa mạc’ (Mc 1:12). Tôi luôn luôn ngạc nhiên vì những ngôn từ Thánh Mac-cô dùng để diễn tả hành động của Chúa Thánh Thần sau khi Chúa Giêsu chịu phép rửa. Ngài bị đẩy vào sa mạc để đánh trận đánh riêng của Ngài tại đó.

Thánh Thần không phải là người lo bảo hiểm tín hữu, theo nghĩa đoan chắc họ sẽ gặp thời tiết tốt, có bảo hiểm đầy đủ cho đức tin của họ. Ngược lại, họ bị đẩy vào đời để đánh trận đánh riêng của họ. Họ bị đẩy ra ngoài sự an ổn của cơ cấu nơi mọi sự diễn ra thật êm xuôi. Cho nên, sau phép rửa bằng nước ta có phép rửa bằng hoài nghi, bằng đối nghịch và bằng các nguy hiểm của đời. Đó chính là trận chiến của sa mạc. Một trận chiến không có ngừng chiến. Một trận đánh cho đến lúc phải hoàn thành.

Thọ nê của Chúa

Tôi thường ngắm thầy Ermete khi ông đi làm về. Ông mệt lử, hết hơi vì nóng, còn mình thì đầy bụi bặm. Hình như miễn cưỡng lắm ông mới chịu đi ngủ chừng một giờ, sau đó ông tới ‘nhà nguyện’, quỳ gối, đầu cúi xuống, ngay trên cát dùng làm bậc thềm, đắm mình trong thờ lạy.

Hai bàn tay ông làm người ta chú ý, lúc đó vẫn còn đầy vết gạch vữa. Và từ quần áo ông người ta như còn ngửi thấy mùi vôi nóng. Thầy Ermete quả là một người thợ nề đích danh.

Mới đây có người nhận xét rằng ngày nay có nguy cơ ta đang phát triển ra một thứ tu đức học xa rời khỏi lao động. Những người khó tính sợ phải bận tay làm những công việc tầm thường của nhân loại, nên chẳng tha khoanh tay đi cầu nguyện còn hơn.

Tuy thế, tôi nhớ như in hình ảnh thầy Ermete tại sa mạc. Hình ảnh ấy vẽ rõ lên tương quan đích thực giữa lao động và cầu nguyện. Khi thầy đi cầu nguyện, thầy mang theo mình những dấu tích rất hiển nhiên của lao động vất vả. Tôi có cảm nghĩ là ở cuối buổi cầu nguyện dài của thầy, những dấu cấu bản của gạch vữa sẽ biến đi. Lúc ấy thầy sẽ đứng lên, chào hỏi tôi bằng một nụ cười, dù cái nụ cười ấy không dấu nổi nổi mệt mỏi của tứ chi thầy. Có điều thầy lại sẵn sàng làm việc lại. Cầu nguyện đã đem lại năng lực mới cho những bàn tay cấu bản của thầy.

Thầy thích được miêu tả như một người lao động chân tay. Chỉ có điều tôi không biết thầy muốn nói tới nghề thợ nề hay nói tới công việc của thầy trong giáo hội.

Cầu nguyện là cho đi

Theo tu sĩ Ghislain Lafont của dòng Biển Đức (1), cầu nguyện là cho Chúa thì giờ của mình. Mà vì thì giờ tạo nên sự kéo dài của đời ta, nên cầu nguyện cũng là cho Chúa sự sống ta.

Tôi đã sống khá nhiều thì giờ trong sa mạc mà không biết rõ liệu thì giờ ấy có được dùng để cầu nguyện không. Tôi tự hài lòng với ý nghĩ rằng tôi đã cho Chúa một ít thì giờ của tôi. Và vì trong sa mạc tôi có trong tay khá nhiều thì giờ, nên tôi không cảm thấy gì là phải hy sinh đặc biệt cả.

Bây giờ, dù đang vùi mình vào công việc và chết cứng với những hèn hò và hạn chót, tôi vẫn cố gắng dành cho Chúa chút ít thì giờ của mình. Điều ấy muốn nói rằng thật ra họa hiểm lắm tôi mới được chút thì giờ dâng cho Chúa. Đó có lẽ là hình thức khó nghèo khó thực hành nhất trong bối cảnh cầu nguyện. Đứng trước mặt Chúa mà hết sức nghèo thời gian.

(1) Des moines et des hommes, Stock, 1975.

Sa mạc trong thành phố

Tôi chưa bao giờ có dịp trở lại sa mạc. Dù người ta cho tôi cơ hội, nhưng tôi đã để các bạn đồng hành của tôi trở lại đó mà không có tôi. Điều ấy làm tôi đau lòng không ít. Tôi thấy mình đã làm họ thất vọng. Nhưng tôi phải giữ lời đã hứa khi từ Sahara trở về. Đó là lời hứa hay đánh cuộc, đến bây giờ tôi cũng không biết. Nhưng tôi đã nhủ với tôi rằng tôi sẽ tạo nên một sa mạc ngay trong thành phố, nói theo kiểu nói của Catherine de Hueck Doherty và Carlo Carretto. Tôi sẽ đi tìm cô tịch giữa đám đông,

và im lặng giữa cái ồn ào náo nhiệt của thị thành. Tôi trốn đi mà không trốn chạy và sẽ có mặt tại một nơi khác ngay trong lúc mình đang ở đô thành.

Tôi đã thành công trong việc tạo nên một sa mạc ngay trong thành phố chưa? Tôi không biết. Chỉ biết hiện nay tôi không còn nghĩ đến sa mạc theo cái nghĩa địa dư của nó nữa. Sa mạc đang ở quanh tôi và đang ở trong chính tôi. Giờ đây tôi coi nó như chiều kích yếu tính của đời sống, môi trường sống tự nhiên của người Kitô hữu. Hơn lúc nào hết, giờ đây tôi cảm thấy một nhu cầu cầu nguyện khôn nguôi. Nhưng cát không còn là vật phụ gia cần thiết của cầu nguyện nữa.

Sa mạc vẫn là cái gì say mê, ngay cả thiết yếu nữa: nhưng nó không phải là sa mạc Sahara nữa; nó là chính cái sa mạc mà tôi phải tạo ra và duy trì hàng ngày. Đó là một sa mạc trong đó thỉnh thoảng không phải là một phần của gói quà sẵn có cho người ta dùng, nhưng cần thiết trước nhất là để làm cho mọi tiếng động phải im lặng.

Vậy thì điều gì tạo nên sa mạc thực sự? Bất cứ điều gì thoát khỏi phóng dăng, lo ra, phù phiếm, vọng động, duy vật chất và sau đó được dâng cho Chúa sẽ tạo ra được một sa mạc thực sự.

Ở nơi đô thị này, khoảng cách được đo bằng dặm hoặc cây số; ở Sahara, nó được đo bằng khoảng cách giữa hai cái giếng. Tuy nhiên, ngay ở đây tôi cũng bị khát đến cháy cổ. Và cả ở đây nữa, dù không có giờ để đợi, tôi vẫn phải học để biết đợi chờ.

Có lẽ Chúa không phe cánh với thành phố hay sa mạc. Cái làm Ngài chú ý khi dạo quanh phố phường có thể là tìm ra những ốc đảo của đời sống tâm linh trong đó có những cá nhân có khả năng biết chờ đợi và hy vọng thay vì vội vã và lảng lo.